

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

-----000-----

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018**

THANH HÓA, NĂM 2018

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Số: 644/QĐ-ĐVTDT

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa
trình độ Thạc sĩ, năm 2018**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THANH HOÁ**

Căn cứ quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/07/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-ĐVTDT ngày 10/11/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ thạc sĩ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các đơn vị phòng Đào tạo Sau Đại học, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí - Đảm bảo CLGD, các Khoa, Bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH,HĐT;
- Như điều 3;
- Lưu VP, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



T.S. Lê Thanh Hà

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 644/QĐ-ĐVTDT ngày 14 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

Tên chương trình: Quản lý Văn hóa

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản lý Văn hóa

Mã số: 8319042

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

CTĐT ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ nhằm mục tiêu giúp người học nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về văn hóa-nghệ thuật; Có tư duy khoa học và năng lực hoạt động của một nhà quản lý, xây dựng đề án chiến lược về văn hóa trong xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế; Có năng lực nghiên cứu, tổ chức, quản lý và khả năng làm việc độc lập sáng tạo; Nắm vững các lý thuyết về văn hóa-nghệ thuật; phương pháp nghiên cứu và ứng dụng vào công tác quản lý chuyên ngành; Nắm vững các vấn đề quản lý các thiết chế văn hóa, quản lý di sản văn hóa, quản lý các tổ chức văn hóa-nghệ thuật trên những điều kiện thực tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

M1. Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa Việt Nam;

M2. Những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay.

1.2.2. Kỹ năng trang bị cho người học

M3. Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

M4. Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

M5. Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

M6. Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

M7. Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

1.2.3. Thái độ

M8. Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh.

M9. Biết trân trọng giá trị văn hóa dân tộc, trân trọng giá trị của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

M10. Yêu nghề, say mê với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, có tinh thần trách nhiệm và đảm bảo đạo đức nghề nghiệp.

M11. Tác phong công nghiệp hóa: khẩn trương, tích cực, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

1.3.Trình độ ngoại ngữ

Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.CHUẨN ĐẦU RA

2.1.Kiến thức

** Kiến thức chung:*

C1: Người học có hiểu sâu sắc các kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học, những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

** Kiến thức cơ sở ngành:*

C2: Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực xã hội & nhân văn vận dụng trong quản lý văn hóa.

C3: Vận dụng được những kiến thức liên ngành về xã hội, văn hóa, khoa học, luật pháp... trong quản lý văn hóa

** Kiến thức chuyên ngành:*

C4: Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay

C5: Hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn quản lý văn hóa

2.2.Kỹ năng

C6: Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

C7: Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

C8: Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

C9: Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

C10: Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 của khung Châu Âu.

2.3.Năng lực tự chủ, trách nhiệm

C11: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

C12: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3.KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Chương trình đào tạo Ths. QLVH theo chương III, điều 19, 20, 21, 22, Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hình thức đào tạo tín chỉ và được chia làm 3 khối kiến thức, cụ thể:

+ Phần kiến thức chung: 07 tín chỉ

+ Phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành: 36 tín chỉ

-Các học phần bắt buộc: 11 học phần, 30 tín chỉ (lý thuyết: 18 tín chỉ; thực hành, thảo luận, bài tập: 12 tín chỉ).

-Các học phần tự chọn: 05 học phần, 10 tín chỉ (lý thuyết: 4 tín chỉ, thực hành, thảo luận: 02 tín chỉ, bài tập: 4 tín chỉ).

+ Thực tập thực tế: 06 tín chỉ

+ Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

4.THÔNG TIN TUYỂN SINH

Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014.

**Về văn bằng và ngành học*

Ngành đúng: Ngành Quản lý Văn hóa

Ngành gần/chuyên ngành gần: Văn hóa học; Văn hóa quần chúng, Văn hóa dân tộc thiểu số; Lý luận và lịch sử Mỹ thuật; Việt Nam học; Sáng tác văn học; Bảo tàng học, Kinh doanh xuất bản phẩm; Triết học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Đông phương học; Quản lý thể dục thể thao....

Đối với các thí sinh ngành khác căn cứ trên thực tiễn hồ sơ đăng ký và phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**Về thâm niên công tác*

Người có bằng tốt nghiệp Đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực Văn hóa kể từ khi tốt nghiệp Đại học.

**Về sức khỏe:* Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc theo quy định hiện hành.

**Hồ sơ dự tuyển:* Có đầy đủ các hồ sơ, thủ tục theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trong Thông báo tuyển sinh.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Điều kiện trúng tuyển

Thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Thi tuyển:

Môn thi tuyển gồm 03 môn thi: môn cơ bản, môn cơ sở và môn ngoại ngữ.

Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trong nước mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng ngoại ngữ, không qua phiên dịch;

+ Trình độ các chứng chỉ được miễn không thấp hơn trình độ tiếng Anh TOEFL ITP 400; TOEF iBT 32 hoặc IETLS 4,0 trở lên hoặc tương đương; tiếng Nga TRKI cấp độ 1 hoặc tương đương; tiếng Trung HSK cấp độ 4 hoặc tương đương; tiếng Pháp TCF niveau 1 trở lên hoặc tương đương; tiếng Đức ZD cấp độ 2 hoặc tương đương và các chứng chỉ của ngoại ngữ khác đạt ở trình độ tương đương. Các chứng chỉ này có giá trị sử dụng trong 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc xác định mức độ tương đương của các ngoại ngữ căn cứ theo chuẩn B1-B2 của khung châu Âu chung

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Những học viên đã tích lũy đủ số học phần của chương trình đào tạo, bảo vệ thành công luận văn điểm đạt 5,5 trở lên thì được xét công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa.

5.3 Dự kiến quy mô tuyển sinh

Mỗi năm tuyển sinh từ 30 đến 50 chỉ tiêu

6.CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KTTX), điểm chuyên cần (CC) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo tỷ lệ: Điểm học phần = $CC \cdot 10\% + KTTX \cdot 20\% + KTHP \cdot 70\%$

Điểm TBC tích lũy toàn khóa là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D mà học viên đã tích lũy được.

Công thức tính: Điểm TBC học phần * số TC của học phần / Tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa.

7.VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP

- Học viên tốt nghiệp ngành Quản lý Văn hóa, có thể công tác tại Sở và Phòng Văn hóa - Thể thao - Du lịch, các Trung tâm Văn hóa, Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan thuộc các Bộ văn hóa, các bộ ngành có tổ chức hoạt động văn hóa, văn hóa nghệ thuật nghệ thuật.

- Học viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công tác tại các tổ chức, cơ quan chuyên trách văn hóa thuộc khu vực nhà nước, tư nhân hay các tổ chức, cơ quan văn hoá, giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Thực hiện công tác tham mưu, quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động văn hóa, đời sống văn hóa.

- Nghiên cứu và bảo vệ văn hóa tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.

- Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, các trường nghiệp vụ về văn hoá - thông tin, chính trị - hành chính, các trường nghiệp vụ của các tổ chức xã hội (thanh niên, công đoàn).

- Quản lý nghiệp vụ tại các tổ chức, cơ quan thuộc ngành văn hoá - thông tin - du lịch (Sở VH,TT&DL các tỉnh; phòng VH,TT&DL các huyện Trung tâm văn hóa; UBND các xã; Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan chuyên trách nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Làm việc trong các công ty, tổ chức có hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa: công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp.

- Hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelancer) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật.

- Kinh doanh độc lập dịch vụ văn hóa, chương trình, sự kiện, dự án văn hóa

8.NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1.Tóm tắt chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của CTĐT: 63 TC

- Khối kiến thức chung: 07 TC

+ Bắt buộc: 07 TC

+ Tự chọn: 0 TC

- Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 40 TC

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: 15 TC

Tự chọn: 04 TC

Bắt buộc: 11 TC

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 25 TC

Tự chọn: 06 TC

Bắt buộc: 19 TC

+ Thực tập, thực tế: 06 TC

+ Luận văn tốt nghiệp: 10 TC

8.2.Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Tổng số	Loại giờ		Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	TH, TN, TL	
I	Phần kiến thức chung: 02 HP-07 TC					
1	QVTH 501	Triết học (Philosophy)	4	3	1	Không
2	QVNN 502	Ngoại ngữ (Foreign language)	3	2	1	KTC01
II	Phần kiến thức cơ sở ngành: 06 HP – 15TC					
II.1	Bắt buộc: 04HP-11TC					
3	QVPP 503	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội (Specialized scientific research method)	3	2	1	KTC01 KTC02

4	QVGL 504	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam (<i>Exchange and cultururation in Vietnamese cultural history</i>)	3	2	1	KTC01 KTC02 CSBB03
5	QVVH 505	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội (<i>Culture , civilization and social progress</i>)	3	2	1	KTC01 KTC02 CSBB03 CSBB04
6	QVTL 506	Tâm lý học quản lý (<i>Psychology of Management</i>)	2	1	1	KTC01 KTC02 CSBB03 CSBB04 CSBB05
II.2	Tự chọn: 02/05HP - 4TC					
7	QVMS 507	Pháp luật Văn hóa (<i>cultural legislation</i>)	2	1	1	Không
8	QVVH 508	Văn hóa làng xã Việt Nam (<i>Vietnamese Cultural Village</i>)	2	1	1	Không
9	QVVH 509	Văn hóa tôn giáo Việt Nam (<i>Vietnam religious culture</i>)	2	1	1	Không
10	QVVH 510	Văn hóa và phát triển (<i>Culture and Development</i>)	2	1	1	Không
11	QVVH 511	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á (<i>Vietnam Culture in the context of South-East Asia</i>)	2	1	1	Không
III	Kiến thức chuyên ngành: 10 HP-25 TC					
III.1	Bắt buộc: 07HP-19TC					
12	QVLH 512	Lễ hội truyền thống (<i>Traditional festivals</i>)	3	2	1	Không
13	QVQL 513	Quản lý truyền thông đại chúng (<i>Mass communication management</i>)	2	1	1	Không
14	QVQL 514	Quản lý các thiết chế văn hóa (<i>Management of cultural institutions</i>)	3	2	1	Không
15	QVQL 515	Quản lý thị trường văn hóa (<i>Cultural Market Management</i>)	3	2	1	Không

16	QVPT 516	Phát triển chính sách văn hóa (<i>Development of cultural policy</i>)	3	2	1	Không
17	QVPT 517	Phát triển nguồn lực văn hóa (<i>Culture resource development</i>)	2	1	1	Không
18	QVQL 518	Quản lý Di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng (<i>Management of cultural heritages in the North Central and the South of Red River</i>)	3	2	1	Không
III.2	Tự chọn: 03/06 HP-06TC					
19	QVNT 519	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (<i>Vietnamese traditional art</i>)	2	1	1	Không
20	QVGQ 520	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa (<i>Planning, cultural development strategy</i>)	2	1	1	Không
21	QVVH 521	Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật (<i>Fundraising for arts and cultural activities</i>)	2	1	1	Không
22	QVQL 522	Văn hóa ẩm thực Việt Nam (<i>Culture of Vietnamese Food</i>)	2	1	1	Không
23	QVDS 523	Di sản văn hóa và du lịch (<i>Tourism and Cultural Heritages</i>)	2	1	1	Không
24	QVVH 524	Văn hóa nông thôn Việt Nam (<i>Vietnamese Rural Culture</i>)	2	1	1	Không
IV	Nghiên cứu hoạt động thực tế		6	0	6	
V	Luận văn thạc sĩ		10	0	10	
	Tổng số tín chỉ tích lũy		63			

8.3.Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (05 học phần, 15 tín chỉ)	-2 học phần phần kiến thức chung (7 tín chỉ)	
	+ Triết học	4
	+ Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	3
	-3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành (8 tín chỉ)	
	+ Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa xã hội	3
Học kỳ 2 (06 học phần, 16 tín chỉ)	+ Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	3
	+ Tâm lý học quản lý	2
	-1 học phần bắt buộc khối kiến thức cơ sở ngành (3 tín chỉ)	
	+ Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	3
	-2 học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành (4 tín chỉ)	
	-3 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (9 tín chỉ)	
	+ Lễ hội truyền thống	3
	+ Quản lý các thiết chế văn hóa	3
	+ Quản lý Di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng	3

Học kỳ 3 (07 học phần, 16 tín chỉ)	-4 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (10 tín chỉ)	
	+ Quản lý truyền thông đại chúng	2
	+ Phát triển chính sách văn hóa	3
	+ Phát triển nguồn lực văn hóa	2
	+ Quản lý thị trường văn hóa	3
	-3 học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành (6 tín chỉ)	6
	-Bảo vệ đề cương luận văn thạc sĩ	
Học kỳ 4	-Nghiên cứu hoạt động thực tế	6
	-Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ	10

9.CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

9.1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC_ 4TC (3,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Nguyễn Đình Trãi**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ: 01/361, phố Hàm Nghi, P.Đông Hương, TP. Thanh Hóa.
- Điện thoại: 0946760688
- Email: nguyendinhtra@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Triết học
- + Triết học Văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Tình**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 39 Lê Hoàn, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa
- Điện thoại: 0936861115
- Email: tinhnt85@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Triết học
- + Triết học Văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Triết học (Philosophy)
- **Mã học phần:** QVTH 501
- **Số tín chỉ:** 04 (3,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 1
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Bắt buộc
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 45 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận Chính trị - Khoa Giáo dục Đại cương & Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức Nắm vững các khái niệm, nguyên lý cơ bản của triết học; Hiểu các trường phái triết học và ứng dụng vào thực tiễn.

3.2. Kỹ năng Phát triển tư duy logic, phản biện và lập luận; Ứng dụng triết học vào học tập, nghiên cứu và công việc.

3.3. Thái độ Rèn luyện tư duy khách quan, khoa học, tự học; Tôn trọng quan điểm đa chiều, có trách nhiệm xã hội.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1:

TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1.1. Triết học là gì?

1.1.1. Triết học và đối tượng của triết học

1.1.2. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan

1.2. Vấn đề cơ bản của triết học

1.2.1. Nội dung và vai trò của vấn đề cơ bản của triết học.

1.2.2. Các trường phái triết học khác nhau trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

1.3. Biện chứng và siêu hình

1.3.1. Sự đối lập giữa hai phương pháp tư duy: phương pháp siêu hình và phương pháp biện chứng

1.3.2. Các trường phái triết học khác nhau trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

1.4. Vai trò của triết học

1.4.1. Chức năng thế giới quan và phương pháp luận của triết học

1.4.2. Vai trò của triết học đối với tư duy lý luận, hoạt động thực tiễn và các khoa học cụ thể.

Tài liệu

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr1-15.

2. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr1-10.

3. *Giáo trình Chương Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr1-12.

4. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr1-10.

Chương 2

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

2.1. Triết học Ấn Độ cổ đại, trung đại

2.1.1. Điều kiện ra đời và những nét đặc thù của triết học Ấn Độ cổ, trung đại.

2.1.2. Những tư tưởng triết học cơ bản của các trường phái

2.1.3. Một số nhận định về triết học Ấn Độ cổ, trung đại

2.2. Triết học Trung Quốc cổ, trung đại

2.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học Trung Quốc cổ, trung đại

2.2.2. Một số học thuyết tiêu biểu của triết học Trung quốc cổ, trung đại.

2.2.3. Một số nhận định về triết học Trung Quốc cổ, trung đại

2.3. Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

2.3.1. Điều kiện thành, phát triển và đặc điểm của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam.

2.3.2. Những nội dung cơ bản của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

2.3.3. Sự kế thừa và phát triển tư tưởng triết học của Hồ Chí Minh

Tài liệu

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr15-22.

2. Giáo trình *Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr10-17.

3. Giáo trình *Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr12-26.

4. Giáo trình *Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr10-27.

Chương 3

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY

3.1. Triết học Hy Lạp cổ, trung đại

3.1.1. Hoàn cảnh kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học Hy Lạp cổ đại

3.1.2. Các nhà triết học tiêu biểu

3.2. Triết học Tây Âu thời trung cổ

3.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét của triết học Tây Âu thời trung cổ

3.2.1. Các triết gia tiêu biểu

3.3. Triết học Tây Âu thời Phục Hưng và cận đại

3.3.1. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục Hưng

3.3.2. Triết học Tây Âu thời cận đại (thế kỷ XVII-XVIII)

3.4. Triết học cổ điển Đức

3.4.1. Hoàn cảnh ra đời và nét đặc thù của triết học cổ điển Đức

3.4.2. Các nhà triết học tiêu biểu

3.4.3. Một số nhận định về triết học cổ điển Đức

Tài liệu:

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr22-27.

2. Giáo trình *Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999. tr17-25.

3. Giáo trình *Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr26-3.

4. Giáo trình *Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr27-35.

Chương 4

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN

4.1. Điều kiện ra đời của triết học Mác

4.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

4.1.2. Nguồn gốc lý luận

4.1.3. Tiền đề khoa học tự nhiên.

4.2. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác

4.2.1. Quá trình chuyển biến tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen từ CNDT và CNDCCM sang CNDV và CNCS

4.2.2. Giai đoạn đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

4.2.3. Giai đoạn C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển lý luận triết học

4.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện, V.I. Lênin phát triển

4.3.1. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng

4.3.2. Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử

4.3.3. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

4.3.4. Thống nhất giữa tính khoa học và tính cách mạng.

4.3.5. Xác định đúng mối quan hệ giữa triết học với các khoa học cụ thể.

4.4. V.I. Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác

4.4.1. Hoàn cảnh lịch sử

4.4.2. Nội dung cơ bản của quá trình V.I. Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác

4.5. Vận dụng và phát triển triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay

4.5.1. Những biến đổi của thời đại

4.5.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.

Tài liệu:

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr27-35.

2. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr25-36.

3. *Giáo trình Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr33-37.

4. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr35-48.

Chương 5

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG -CƠ SỞ CỦA THẾ GIỚI QUAN KHOA HỌC

5.1. Thế giới quan, thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật

5.1.1. Thế giới quan và các hình thức của thế giới quan

5.1.2. Thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật

5.1.3. Vai trò của thế giới quan

5.2. Bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tính cách là cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học

5.2.1. Giải quyết đúng đắn vấn đề cơ bản của triết học trên quan điểm thực tiễn

5.2.2. Sự thống nhất giữa thế giới quan duy vật với phép biện chứng

5.2.3. Chủ nghĩa duy vật triệt để, quan niệm duy vật về lịch sử

5.2.4. Tính thực tiễn - cách mạng

5.3. Những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và việc vận dụng nó vào sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam hiện nay.

5.3.1. Tôn trọng khách quan

5.3.2. Phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức, phát huy nhân tố con người

5.3.3. Khắc phục và ngăn ngừa bệnh chủ quan duy ý chí.

Tài liệu:

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr35-40.

2. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr25-36.

3. *Giáo trình Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr33-37.

4. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr35-48.

Chương 6

PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT – PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA NHẬN THỨC KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN

6.1. Siêu hình và biện chứng

6.1.1. Siêu hình và biện chứng

6.1.2. Khái quát lịch sử phát triển của phép biện chứng

6.2. Nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.

6.3. Phương pháp và phương pháp luận.

6.3.1. Phương pháp và phương pháp luận

6.3.2. Các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật.

Tài liệu:

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr55-65.

2. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr36-53.

3. *Giáo trình Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr33-47.

4. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr48-51.

Chương 7

NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

7.1. Phạm trù thực tiễn và phạm trù lý luận

7.1.1. Phạm trù thực tiễn

7.1.2. Phạm trù lý luận

7.2. Những yêu cầu của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

7.2.1. Sự hình thành và phát triển của lý luận xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; lý luận phải được kiểm nghiệm, được bổ sung và phát triển trong thực tiễn

7.2.2. Thực tiễn phải được chỉ đạo bởi một lý luận khoa học, lý luận đề ra mục tiêu, phương hướng, biện pháp cho thực tiễn

7.3. Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

7.3.1. Lý luận phải bám sát thực tiễn, phản ánh được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn

7.3.2. Hoạt động lý luận phải lấy thực tiễn chỉ đạo

7.3.3. Khắc phục và ngăn ngừa bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều.

Tài liệu

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr55-65.

2. Giáo trình *Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr53-64.

3. Giáo trình *Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr47-58.

4. Giáo trình *Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr51-59.

Chương 8

LÝ LUẬN HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

8.1. Lý luận hình thái kinh tế - xã hội

8.1.1. Những tiền đề xuất phát để xây dựng lý luận hình thái kinh tế xã hội

8.1.2. Cấu trúc xã hội, phạm trù hình thái kinh tế - xã hội.

8.1.3. Phép biện chứng trong sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

8.1.4. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội.

8.2. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

8.2.1. Lựa chọn con đường đi lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN

8.2.2. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên CNXH

8.2.3. Kết hợp giữa phát triển kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội.

Tài liệu

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr65-72.

2. Giáo trình *Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr64-79.

3. Giáo trình *Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr58-78.

4. Giáo trình *Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr59-68.

Chương 9

LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

9.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp

9.1.1. Các quan điểm ngoài mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp

9.1.2. Quan điểm mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp

9.1.3. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

9.2. Quan hệ giai cấp với dân tộc và nhân loại trong thời đại ngày nay

9.2.1. Quan hệ giai cấp với dân tộc

9.2.2. Quan hệ giai cấp với nhân loại

9.3. Vận dụng quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam

9.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại

9.3.2. Quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam hiện nay.

Tài liệu:

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr72-89.

2. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr79-87.

3. *Giáo trình Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr78-96.

4. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr68-73.

Chương 10

LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

10.1. Những nội dung cơ bản của lý luận về Nhà nước

10.1.1. Nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của Nhà nước

10.1.2. Chức năng và vai trò kinh tế của Nhà nước

10.1.3. Các kiểu và hình thức Nhà nước trong lịch sử

10.2. Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

10.2.1. Nhà nước pháp quyền

10.2.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tài liệu:

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr89-96.

2. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr87-93.

3. *Giáo trình Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr96-103.

4. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr73-89.

Chương 11

QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VỀ CON NGƯỜI

VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY.

11.1. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người

11.1.1. Quan điểm về con người trong triết học phương Đông

11.1.2. Quan điểm về con người trong triết học phương Tây

11.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người

11.2.1. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về bản chất con người

11.2.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về giải phóng con người

11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong sự nghiệp cách mạng

11.3.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

11.3.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

11.4. Vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay

11.4.1. Con người Việt Nam trong lịch sử

11.4.2. Cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với con người Việt Nam

11.4.3. Xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của cách mạng nước ta.

Tài liệu:

1. *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992, tr96-123.

2. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr93-155.

3. *Giáo trình Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003, tr103-132.

4. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr89-156

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (dùng trong các trường Đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- C.Mác, Ph.Ăngghen *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

5.2. Tài liệu tham khảo

- Doãn Chính, *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia.
- Dagobert.D gunes, *Lịch sử triết học - Từ cổ đại đến cận đại*, Nxb văn hóa thông tin, 2009.
- Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng, *Lược khảo triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia.
- *Minh triết - giá trị văn hóa đang phục hưng*, nhiều tác giả, Nxb tri thức.
- Bùi Văn Nam Sơn, *Trò chuyện triết học*, Nxb Tri thức
- *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1992.
- *Triết học với cuộc sống* (tập 1) (2004), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Đăng Thục, *Lịch sử triết học phương Đông*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia.
- Nguyễn Hữu Vui (2002), *Lịch sử Triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- *V.I. Lênin Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Cimena, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	3	1	8
Chuyên đề 2	4	2	8
Chuyên đề 3	4	1	8
Chuyên đề 4	4	1	8
Chuyên đề 5	4	1	8
Chuyên đề 6	4	1	8
Chuyên đề 7	4	1	8
Chuyên đề 8	4	2	8
Chuyên đề 9	5	2	8
Chuyên đề 10	4	1	9
Chuyên đề 11	5	2	9
Tổng cộng	45	15	90

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Tình

9.2 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH _ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

+ Họ và tên: **Lê Thanh Hà**

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

-Địa chỉ liên hệ: 26 Lạc Long Quân, Phường Đông Vệ, Tp Thanh Hóa

- Điện thoại: 0915 201 177

- Email: ha201177@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Ngôn ngữ

+ Ngôn ngữ văn hóa- Du lịch

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+ Họ và tên: **Hoàng Thị Huệ**

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

- Địa chỉ liên hệ: Nhà 14D1, Khu chung cư Đông Phát, TP. Thanh Hóa

- Điện thoại: 0914 463 007

- Email: huetienganh@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Ngôn ngữ

+ Ngôn ngữ văn hóa- Du lịch

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- *Tên học phần:* Ngoại ngữ (Foreign languages)

- *Mã học phần:* QVNN 502

- *Số tín chỉ:* 04 (3,1)

- *Học kỳ thực hiện:* 1

- *Học phần kế tiếp:* Không

- *Loại học phần:* Bắt buộc

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Phân bố thời gian:*

Giảng lý thuyết: 45 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở

trình độ trung cấp bậc 3 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B1 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.

3.2. Kỹ năng: Học viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh để sử dụng hiệu quả trong học thuật và môi trường chuyên nghiệp.

3.3. Thái độ: Học viên chủ động, tự tin, cầu tiến và tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong giao tiếp và nghiên cứu.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Các thời ngữ pháp

1.1. Thời hiện tại: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn.

1.2. Thời quá khứ: quá khứ đơn, quá khứ đơn giản tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, quá khứ hoàn thành tiếp diễn.

1.3. Thời tương lai: tương lai đơn, tương lai gần, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành, tương lai hoàn thành tiếp diễn.

Tài liệu

1. Betty Schramper Azar, Dịch và chú giải Nguyễn Thành Yên (2001), *Fundamentals of English Grammar*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Malcolm Mann & Steve Taylore (2007), *Destination B1 – Grammar & Vocabulary*, Macmillan.

3. A.J Thomson, A.V.Martinet (2010), *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin.

Chương 2. Các cấu trúc ngữ pháp

2.4. Used to.

2.5. Động từ khuyết thiếu: Can, could, may, must, would....

2.6. Câu bị động

2.7. Danh từ đếm được và danh từ không đếm được

2.8. Đại từ, tân ngữ, đại từ sở hữu

2.9. Giới từ chỉ thời gian và địa điểm.

2.10.. Mạo từ

2.11. Mệnh đề quan hệ.

2.12. Câu hỏi Wh-question và How-question, câu hỏi đuôi

2.13. So, such, too, enough

2.14. So sánh hơn và so sánh hơn nhất.

2.15. Câu điều kiện loại 1,2,3

2.16. Câu tường thuật gián tiếp

2.17. Câu hỏi, câu mệnh lệnh và câu yêu cầu gián tiếp.

2.18. Tân ngữ trực tiếp và tân ngữ gián tiếp.

2.19. Wish

2.20. Danh động từ (V-ing) và động từ nguyên thể (infinitive)

2.21. Both, either, neither, so, nor

2.22. Liên từ

2.23. Cụm từ: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, cụm giới từ

Tài liệu

1. Cambridge University (2008), *Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press
2. Gray & Sullivan (2000), *Practice tests for PET*, Expresspublishing
3. Law, A. (2009), *Writing Skills*, Oxford: Summertow Publishing.

Chương 3. Từ vựng và ngữ âm

3.1 Từ loại (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quán từ, giới từ)

3.2. Cấu tạo từ, tiền tố và hậu tố

3.3. Danh từ ghép, tính từ ghép

3.4. Khả năng kết hợp giữa động từ và danh từ

3.5. Kết hợp của tính từ và danh từ

3.6. Từ đồng âm, đồng nghĩa và trái nghĩa

3.7. Từ đa nghĩa. Kỹ năng tra từ điển

3.8. Những nguyên tắc phát âm, biến đổi âm cơ bản, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu.

Tài liệu

1. Mark H. (2003), *English Pronunciation in Use*, Cambridge University Press.
2. Jack, C. R. (2003), *Tactics for Listening (Developing)*, Oxford University Press.
3. John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett (2017), *Life B1*, National Geographic Learning.

Chương 4. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

4.1. Nghe: Nghe hội thoại, bài nói chuyện, phỏng vấn

4.2. Nói: Giao tiếp thông thường hàng ngày, trình bày báo cáo, tham gia thảo luận

4.3. Đọc: Đọc chi tiết, đọc phân tích, đọc có ghi chép, đọc bài khóa, tóm tắt và dịch

4.4. Viết: Viết câu có hướng dẫn, điền từ khai, đơn, viết thư, đơn từ, miêu tả, tường thuật, bài luận ngắn.

Tài liệu

1. Trần Công Nhân, Lê Trần Doanh Trang (2005), *410 bài luận mẫu*, NXB Đà Nẵng.
2. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig (tài liệu lưu hành nội bộ), *New -English File (Upper –intermediate Student’s Book)*.
3. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Lê Thúy Hiền (giới thiệu) (2010), *New -English File (Intermediate Student’s Book and Workbook)*, NXB Văn hóa-Thông tin.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc :

1. Mai Lan Hương, Nguyễn Thanh Loan (tái bản 2006), *Ngữ pháp Tiếng Anh*, NXB Đà Nẵng.
2. Jack C. Richards, Dịch và chú giải Nguyễn Minh Hải (2004), *Listen carefully*, NXB Giao thông Vận tải.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. live Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson, Lê Thúy Hiền (giới thiệu) (2009), *New -English File (Pre-Intermediate Student’s Book and Workbook)*, NXB Khoa học Xã hội

2. Therese Naber - Angenla Blackwell with Michelle Johnstone, Lê Thúy Hiền giới thiệu (2010), NXB Văn hóa - Thông tin.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chương 1	12	3	30
Chương 2	12	3	30
Chương 3	12	3	30
Chương 4	09	6	30
Tổng cộng	45	15	120

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc vấn đáp): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN

TS. Lê Thanh Hà

9.3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VĂN HÓA_ 3TC (2,1)

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Đường Chi Lăng – Thành Mai – Quảng Thành – Tp Thanh Hóa

- Điện thoại: 0974.781289
- Email: nguyenvandungvhnt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ, văn hóa

1.2. Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Thúy**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ ,
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Hiệu, P. Đông Hương, TP Thanh Hóa
- Điện thoại: 0914188828
- Email: thuynguyenxhhd@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lịch sử Việt Nam

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên ngành:

- **Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu khoa học (Specialized scientific research)
- **Mã học phần:** QVPP 503
- **Số tín chỉ:** 03 (2,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 1
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Bắt buộc
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 30 tiết

Thảo luận, bài tập: 30 tiết

Thực hành, thực tập: 90 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Cung cấp về lý thuyết chung về nghiên cứu khoa học văn hóa , nội dung cơ bản về tổ chức, phương pháp, hoạt động nghiên cứu khoa học văn hóa;
- Phương pháp thực hành NCKH và QLKH về đề tài Văn hóa;

3.2. Kỹ năng

- Kỹ năng tư duy, phát hiện vấn đề khoa học, đề tài khoa học;
- Kỹ năng lựa chọn PPNC phù hợp;
- Kỹ năng tổ chức triển khai NCKH cụ thể (lập phương án, tổ chức triển khai, quản trị giai đoạn, thực nghiệm, đánh giá, ứng dụng);
- Kỹ năng viết báo cáo khoa học;
- Kỹ năng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, cinema cho đề tài;

3.3. Thái độ: Học viên có tinh thần nghiêm túc, trung thực, khách quan trong nghiên cứu, chủ động sáng tạo và tôn trọng đạo đức khoa học.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG CƠ BẢN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VĂN HÓA

1.1. Thể loại văn hóa vật thể (đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ, đạo quán, nhà ở, công trình dân sinh...)

- + Thông tin chung nội dung đối tượng nghiên cứu: tên gọi, vị trí, niên đại
- + Thông tin về tình trạng hiện tồn: Loại hình, kết cấu, chất liệu.
- + Thông tin về hình thức thức ngoại diện: phong cách thẩm mỹ, hình thức chế tác;
- + Thông tin chung về hình thức nội thất: phong cách thẩm mỹ, hình thức chế tác;
- + Vấn đề cần nghiên cứu: giải mã nội dung, giải mã biểu tượng văn hóa, bổ sung thông tin lịch sử, đánh giá chất lượng từng mặt, giá trị lịch sử văn hóa và dự báo ích dụng, kết luận và kiến nghị.

1.2. Thể loại văn hóa phi vật thể (Tín ngưỡng, tôn giáo, trò diễn, âm nhạc, sân khấu, phim ảnh...)

- + Thông tin chung nội dung đối tượng nghiên cứu: tên gọi, vị trí, niên đại
- + Thông tin về tình trạng hiện tồn: Loại hình, ngôn ngữ, đặc trưng biểu hiện.
- + Thông tin về hình thức thức ngôn ngữ: phong cách thẩm mỹ, hình thức ;
- + Thông tin chung về hình thức kết cấu: chương, mục, nội hàm, biểu hiện, ngôn ngữ diễn đạt...
- + Vấn đề cần nghiên cứu: giải mã nội dung, giải mã biểu tượng văn hóa, bổ sung thông tin lịch sử, đánh giá chất lượng từng mặt, giá trị lịch sử văn hóa và dự báo ích dụng, kết luận và kiến nghị.

Chương 2. PHƯƠNG PHÁP CƠ BẢN TRONG NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

2.1. Phương pháp nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành

- + Phân tích đối tượng đang nghiên cứu thuộc thể loại văn hóa nào?
- + Nghiên cứu xem xét các mối liên hệ với ngành gần là những gì?
- + Tìm kiếm những bổ sung thông tin hay bổ sung hình ảnh, biểu tượng đến đối tượng nghiên cứu từ ngành khác có hay không?
- + Tìm xem những ngành khác biểu đạt cùng nội dung thì có sự khác nhau như thế nào?
- + Tìm xem những khoảng trống về thông tin, biểu đạt ở đối tượng đang thiếu hay đang ẩn nhưng lại có ở lĩnh khác, ngành khác ra sao?
- + Phân tích xem nhưng mối liên hệ của vấn đề biểu đạt cùng tương đồng ở ngành khác ra sao?

Mục tiêu cần đạt: Nhận định những kết quả do nghiên cứu liên ngành và xuyên ngành mang lại trong đề tài cụ thể là gì? Các mối quan hệ tương tác, quy luật, nguyên lý, xu hướng biến đổi, xu hướng biểu đạt. Hình thức biểu đạt của đối tượng văn hóa.

2.2. Phương pháp lịch đại

- + Phân tích đối tượng nghiên cứu theo chiều thời gian lịch sử, hay theo các thời đại, trong cùng một không gian;
- + Tìm ra sự biến đổi của các thành tố văn hóa, thành phần văn hóa theo chiều thời gian như thế nào?
- + Phân tích sự biến đổi của nội dung và hình thức văn hóa theo chiều thời gian như thế nào?

+ So sánh sự biến đổi của đối tượng văn hóa này với đối tượng văn hóa khác (cùng một không gian) theo chiều thời gian và tìm đặc trưng biểu hiện của nó, nguyên nhân và hậu quả?

+ Phân tích theo nhóm có cùng dạng thức kết cấu hay ngôn ngữ, phong cách biểu đạt văn hóa xem nhóm nào có biến đổi theo thời gian nhiều, ít, vì sao?

Mục tiêu cần đạt: *Nhận định những đặc tính của đối tượng nghiên cứu văn hóa thay đổi hay bảo lưu theo chiều thời gian? Tìm ra quy luật và nguyên lý biểu hiện văn hóa theo thời gian ra sao?*

2.3. Phương pháp đồng đại

+ Phân tích đối tượng nghiên cứu theo chiều không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau thì sự biểu hiện khác nhau ra sao?

+ Tìm ra sự biến đổi của các thành tố văn hóa, thành phần văn hóa theo không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau thì diễn ra như thế nào?

+ Phân tích sự biến đổi của nội dung và hình thức văn hóa theo chiều không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau thì sự biến đổi như thế nào?

+ So sánh sự biến đổi của đối tượng văn hóa theo chiều không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau và tìm đặc trưng biểu hiện của nó, nguyên nhân và hậu quả?

+ Phân tích theo nhóm có cùng dạng thức kết cấu hay ngôn ngữ, phong cách biểu đạt văn hóa xem nhóm nào có biến đổi theo không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau nhiều, ít, vì sao?

Mục tiêu cần đạt: *Nhận định những đặc tính của đối tượng nghiên cứu văn hóa thay đổi hay bảo lưu theo chiều không gian ra sao? Tìm ra quy luật và nguyên lý biểu hiện văn hóa theo không gian ra sao?*

2.4. Phương pháp khảo sát thực địa

+ Trực tiếp đối tượng nghiên cứu văn hóa để nhìn, đo, vẽ, chụp nhằm tìm kiếm tư liệu theo định hướng nghiên cứu ở một đối tượng văn hóa cụ thể.

+ Trực tiếp đối tượng nghiên cứu văn hóa để ghi âm, quan sát, phỏng vấn nhằm tìm kiếm tư liệu theo định hướng nghiên cứu ở một đối tượng văn hóa cụ thể.

+ Kiểm chứng thông tin thực địa với thông tin tra cứu từ tài liệu khác, giải quyết những khác biệt trong vấn đề nghiên cứu; Bổ sung tư liệu, củng cố các nhận định khoa học.

Mục tiêu cần đạt: *Bổ sung tư liệu khoa học, củng cố nhận định khoa học, xác định các mối quan hệ, các quy luật vận động và hướng biến đổi của đối tượng nghiên cứu văn hóa theo hướng thực nghiệm luận.*

2.5. Phương pháp giải mã biểu tượng

+ Phân tích đặc trưng ngôn ngữ biểu đạt của văn hóa vật thể và phi vật thể.

+ Phân tích đặc trưng biểu tượng văn hóa Việt Nam

+ Mối quan hệ của các loại ngôn ngữ văn hóa truyền thống Việt Nam (chữ viết, hình vẽ, âm thanh, đồ thức kiến trúc...)

+ Hình thức biểu đạt của biểu tượng văn hóa và nội hàm biểu đạt của biểu tượng văn hóa như thế nào ở mỗi loại hình văn hóa.

Mục tiêu cần đạt: *Tìm ra ý nghĩa và giá trị biểu đạt của văn hóa thông qua ngôn ngữ, hình tượng và biểu tượng văn hóa còn tiềm ẩn trong hình thức biểu đạt.*

2.6. Phương pháp văn hóa học

- + Chú trọng đến các yếu tố môi trường văn hóa (lịch sử, địa lý, dân tộc)
- + Chú trọng đến đặc tính biểu hiện của văn hóa (lan truyền, khuếch tán, bình đẳng, thâm thấu tự nhiên...)
- + Chú trọng đến đặc điểm hóa thạch văn hóa, chồng lớp văn hóa, tương tác văn hóa, biến đổi văn hóa (nguyên trạng biểu hình một văn hóa của một thời đại đã qua/ chồng lấn văn hóa các thời kỳ với nhau theo khảo cổ văn hóa, sự giao thoa văn hóa, tiếp xúc văn hóa, phức hợp văn hóa...)

Mục tiêu cần đạt: Khi đối tượng nghiên cứu là một thể loại văn hóa đặc biệt, cần lấy phương Văn hóa học làm trung tâm thì các phương pháp khác xem là hỗ trợ.

2.7. Phương pháp nghệ thuật học

- + Phương pháp nghệ thuật học sử dụng đối với đối tượng nghiên cứu là một sản phẩm văn hóa thuộc một thể loại nghệ thuật cụ thể: Mỹ thuật/ Kiến trúc/ Âm nhạc/ Sân khấu, điện ảnh...)
- + Chú trọng đến phong cách biểu đạt của đối tượng thông qua ngôn ngữ nghệ thuật cụ thể.
- + Tính sáng tạo, tính mới trong hình thức biểu đạt là gì.
- + Tính mới trong nội dung biểu đạt là gì?
- + Phân tích đối tượng nghệ thuật theo chiều thời gian và không gian để so sánh nhận định các giá trị.
- + Phân tích đối tượng nghệ thuật theo bối cảnh lịch sử, kinh tế, dân tộc và thời đại để nhận định các giá trị.

Mục tiêu cần đạt: Khi đối tượng nghiên cứu là một thể loại nghệ thuật, cần lấy phương nghệ thuật học làm trung tâm thì các phương pháp khác xem là hỗ trợ.

Chương 3: THỰC HÀNH TRIỂN KHAI MỘT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

3.1. Kế hoạch thực hiện đề tài

- 3.1.1. Xác định đề tài và mục đích nghiên cứu
- 3.1.2. Đặt tên đề tài
- 3.1.3. Lập mục lục tài liệu tham khảo;.
- 3.1.4. Hình thành đề cương, bố cục
- 3.1.6. Lập kế hoạch khảo sát thực địa
- 3.1.7. Lập kế hoạch tài chính, nhân sự, thời gian

3.2. Triển khai nghiên cứu

- 3.2.1. Thu thập tư liệu khoa học
- 3.2.2. Khảo sát bổ sung tư liệu khoa học
- 3.2.3. Trao đổi khoa học, củng cố luận thuyết khoa học
- 3.2.4. Xây dựng khung sản phẩm khoa học và hoàn thiện từng phần của sản phẩm khoa học.
- 3.2.5. Thực nghiệm, ứng dụng, triển khai (nếu có)
- 3.2.6. Tọa đàm nhóm, chuyên gia hoàn thiện kết quả nghiên cứu.
- 3.2.7. Viết báo cáo khoa học

3.2.8. Công bố khoa học hay triển khai ứng dụng khoa học theo Luật chuyển giao khoa học công nghệ số 07/2017/QH14 năm 2014

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Ary, D. ; Jacobs, L ; Sorensen, C. ; Razavieh, A. (2010). Introduction to research in education (8th edition). Wadsworth, Cengage Learning.
3. Lindsay, D. (1995). A guide to scientific writing. Longman.
4. Maxwell, J.A. (1996). Qualitative research design. CA: SAGE.
5. Newmark, J. (1992). Statistics and probability in modern life (5th ed.). Saunders College Publishing.
6. Nguyễn Văn Lê (2001). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Trẻ.
7. Ravid, R. (1994). Practical statistics for educators. University Press of America.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Schumacher, S., McMillan, J.H. (1993). Research in education: A conceptual introduction (3rd ed.). Harper Collins College Publishers.
2. Shavelson, R. (1988). Statistical reasoning for the behavioral sciences (2nd ed.). Allyn and Bacon, INC.
3. Vũ Cao Đàm (1999, 2005). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học & Kỹ thuật.
4. Nguyễn Văn Minh (chủ biên, 2018, Viện HLKHN), Một số lý thuyết tộc người và cách tiếp cận ở Việt Nam
5. Boas, Franz (1940). Race, Language, and Culture ISBN 978-0-226-06241-9

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bố số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	12	03	30
Chuyên đề 2	12	03	30
Chuyên đề 3	03	12	30
Tổng cộng	30	15	90

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

- + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
- + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
- + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc vấn đáp): 70%

- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Văn Dũng

9.4 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIAO TIẾP BIẾN VĂN HÓA TRONG LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM_ 3TC (2,1)

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Đường Chi Lăng – Thành Mai – Quảng Thành – Tp Thanh Hóa
- Điện thoại: 0974.781289
- Email: nguyenvandungvhnt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ, văn hóa

1.2. Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+ Họ và tên: **Lê Văn Tạo**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , PGS. Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Tp Thanh Hóa
- Điện thoại: 097 478 1289
- Email: levantao@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Ngôn ngữ

+ Ngôn ngữ Văn hóa

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên ngành:

- **Tên học phần:** Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam
(Exchange and acculturation in Vietnamese cultural history)

- **Mã học phần:** QVGL 504

- **Số tín chỉ:** 03 (2,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 2

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Bắt buộc

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 30 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức: Học viên nắm vững những kiến thức về các điều kiện hình thành cơ tầng văn hóa Việt Nam và những đặc điểm, kết quả trong giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lịch sử: Giao lưu, tiếp biến văn

hóa với khu vực Đông Nam Á; Giao lưu, tiếp biến văn hóa với văn hóa Trung Hoa, Giao lưu, tiếp xúc văn hóa với văn hóa Ấn Độ, Giao lưu, tiếp xúc văn hóa với văn hóa Phương Tây, diễn trình hội nhập văn hóa thế giới trong thế kỷ XXI.

3.2. Kỹ năng: Hình thành các thao tác, kỹ năng tư duy về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hợp tác quốc tế; Định dạng vị thế và giá trị văn hóa Việt Nam, quảng bá văn hóa Việt Nam một cách hiệu quả; Sử dụng vốn kiến thức văn hóa quốc tế cho nghiệp quản lý, giáo dục, ngoại giao, du lịch, kinh tế.

3.3. Thái độ: Học viên có tinh thần tôn trọng, cởi mở với sự đa dạng văn hóa, có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: GIAO LƯU, TIẾP BIẾN – QUY LUẬT VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA

1. Khái niệm giao lưu tiếp biến và ý nghĩa của giao lưu, tiếp biến

1.1.1. Khái niệm giao lưu, tiếp biến

1.1.2. Ý nghĩa giao lưu, tiếp biến

1.2. Tính tất yếu, khách quan của sự giao lưu, tiếp biến

1.2.1. Giao lưu, tiếp biến là quy luật phổ biến, khách quan

1.2.2. Cơ sở tạo nên tính tất yếu khách quan

1.3. Các tính chất của sự giao lưu, tiếp biến

1.3.1. Giao lưu, tiếp biến tự nguyện

1.3.2. Giao lưu, tiếp biến cưỡng bức

1.3.3. Giao lưu, tiếp biến vừa cưỡng bức, vừa tự nguyện

1.3.4. Giao lưu, tiếp biến theo mức độ tiếp nhận

1.4. Vai trò của yếu tố nội sinh và ngoại sinh trong giao lưu, tiếp biến văn hóa

1.4.1. Vai trò của yếu tố nội sinh trong giao lưu, tiếp biến văn hóa

1.4.2. Vai trò của yếu tố ngoại sinh trong giao lưu, tiếp biến văn hóa

Tài liệu

1. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin, tr.24, 25, 77, 78.
2. Toàn Ánh (2005), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ, tr.7 đến 102.
3. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á, ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục, tr.554-607.

Chương 2: GIAO LƯU, TIẾP BIẾN VĂN HÓA NGƯỜI VIỆT VỚI VĂN HÓA TRUNG HOA VÀ ẤN ĐỘ (THIÊN NIÊN KỶ I SAU CÔNG NGUYÊN)

2.1. Khái lược về sự tiếp xúc văn hóa của người Việt với văn hóa Trung Hoa trước khi nhà Hán thống trị Nam Việt.

2.1.1. Điều kiện giao lưu, tiếp biến

2.1.2. Thành tựu của sự giao lưu, tiếp biến

2.2. Điều kiện của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa người Việt với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ sau công nguyên

2.2.1. Điều kiện gián tiếp

2.2.2. Điều kiện trực tiếp

2.3. Sự tiếp biến văn hóa Trung Hoa của người Việt

2.3.1. Tiếp biến các yếu tố vật chất

2.3.2. Tiếp biến các yếu tố văn hóa-xã hội

2.4. Tiếp thu văn hóa Ấn Độ

2.3.1. Tiếp thu văn hóa Phật Giáo

2.3.2. Tiếp thu các lĩnh vực văn hóa khác

2.5. Đánh giá thành tựu, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

2.5.1. Thành tựu

2.5.2. Nguyên nhân

2.5.3. Bài học kinh nghiệm

Tài liệu

1. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á, ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục, tr.554-607.
2. W.Scott Morton, C.M.Lewis (2008), *Lịch sử và văn hóa Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lương Ninh (chủ biên) (2001-tái bản lần thứ năm), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb Giáo dục.
4. Trung tâm nghiên cứu quốc học Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trình Năng Chung (2015), *Mối quan hệ văn hóa Đông Sơn với các văn hóa thời đại kim khí ở Nam Trung Quốc*, Nxb Khoa học Xã hội.

Chương 3: GIAO LƯU, TIẾP BIẾN VĂN HÓA ĐẠI VIỆT VỚI CÁC NƯỚC THỜI KỲ TRUNG ĐẠI (THỜI KỲ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ THỂ KỶ X-XIX)

3.1. Điều kiện lịch sử - xã hội

3.1.1. Điều kiện lịch sử trực tiếp

3.1.2. Điều kiện gián tiếp

3.2. Thành tựu giao lưu, tiếp biến văn hóa - xã hội

3.2.1. Văn hóa - xã hội

3.2.2. Văn hóa tinh thần

Tài liệu

1. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á, ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục, tr.554-607.
2. W.Scott Morton, C.M.Lewis (2008), *Lịch sử và văn hóa Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trung tâm nghiên cứu quốc học Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Văn Siêu (2003), *Việt Nam Văn minh sử - lược khảo (tập thượng) từ nguồn gốc đến thế kỷ X*, Nxb Lao động.

Chương 4: GIAO LƯU, TIẾP BIẾN VĂN HÓA VIỆT NAM VỚI VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY VÀ PHÁP (TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN 1945)

4.1. Khái lược về điều kiện lịch sử

4.1.1. Tình hình trước khi Pháp xâm lược nước ta

4.1.2. Điều kiện giao lưu, tiếp biến sau khi người Pháp thống trị nước ta.

4.2. Các kết quả của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa

4.2.1. Văn hóa xã hội - tư tưởng với hoạt động canh tân, duy tân đất nước

4.2.2. Tiếp thu nền giáo dục mới

4.2.3. Tiếp thu chữ quốc ngữ La tinh

4.2.4. Tiếp thu nền văn chương mới

4.2.5. Tiếp thu các loại hình nghệ thuật

4.2.6. Tiếp thu báo chí, xuất bản

4.2.7. Tiếp thu khoa học-kỹ thuật

4.2.8. Tiếp xúc Công giáo và vai trò của Công giáo đối với văn hóa

4.2.9. Tiếp thu lối sống, nếp sống

Tài liệu

1. Lê Văn Siêu (2003), *Việt Nam Văn minh sử - lược khảo (tập thượng) từ nguồn gốc đến thế kỷ X*, Nxb Lao động.
2. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á, ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục, tr.554-607.
3. Huỳnh Công Bá (2012), *Lịch sử Văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa.

Chương 5: GIAO LƯU, TIẾP BIẾN VĂN HÓA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC TRONG THỜI KỲ HIỆN ĐẠI (TỪ 1986 ĐẾN NAY)

5.1. Điều kiện của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa

5.1.1. Xu thế toàn cầu hóa

5.1.2. Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế

5.2. Thành tựu và đặc điểm giao lưu, tiếp biến văn hóa

5.2.1. Giai đoạn trước đổi mới (1986)

5.2.2. Giai đoạn từ 1986 đến nay

Tài liệu

1. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á, ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục, tr.554-607.
2. Huỳnh Công Bá (2012), *Lịch sử Văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa.
3. Trần Quốc Vượng (2016), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X* (2009) (Hội nghị lần thứ ba, tư, năm, sáu, bảy và chín), Nxb Chính trị Quốc gia.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập 1,2) (2004), Nxb Văn hóa Thông tin.

- Trần Xuân Sinh, *Việt sử ký yếu*, Nxb Hải Phòng.

- Phạm Bá Khiêm (1013), *Đền Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương*, Nxb Văn hóa Thông tin.

5.2.Tài liệu tham khảo

- Bùi Quang Thanh (2008), *Văn hóa dân gian Việt Nam-Một cách tiếp cận*, Nxb Khoa học Xã Hội, Hà nội.
- Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (biên dịch) (2005), *Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại - Xã hội*, Nxb Phụ nữ.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	6	3	15
Chuyên đề 2	6	3	15
Chuyên đề 3	6	3	20
Chuyên đề 4	6	3	20
Chuyên đề 5	6	3	20
Tổng cộng	30	15	90

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Văn Dũng

9.5 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA, VĂN MINH VÀ SỰ TIẾN BỘ XÃ HỘI _3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

+ Họ và tên: **Trần Văn Thức**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

-Địa chỉ liên hệ: P. Quảng Thắng, TP. Thanh Hóa

- Điện thoại: 0912 054 501

- Email: thuctrandhv@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Lịch sử

+ Lịch sử văn hóa

+ Di sản văn hóa...

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

- Địa chỉ liên hệ: Đường Chi Lăng – Thành Mai – Quảng Thành – Tp Thanh Hóa

- Điện thoại: 0974.781289

- Email: nguyenvandungvhnt@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ, văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội (Culture , civilization and social progress)

- **Mã học phần:** QVVH 505

- **Số tín chỉ:** 03 (2,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 1

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Bắt buộc

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 30 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về văn hóa, văn minh của nhân loại; những thành tựu văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử và vai trò của nó đối với sự tiến bộ của xã hội.

3.2. Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng tự tiếp cận tài liệu, các thông tin khoa học, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

3.3.Thái độ Học viên có tinh thần tôn trọng và trân trọng các giá trị văn hóa, văn minh của nhân loại, có ý thức trách nhiệm trong việc thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, đồng thời sẵn sàng tiếp thu và vận dụng những giá trị tích cực vào thực tiễn.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN HOÁ, VĂN MINH

1.1. Khái niệm Văn hoá, Văn minh.

1.1.1. Khái niệm “Văn hoá”

1.1.2. Khái niệm “Văn minh”

1.1.3. So sánh khái niệm “Văn hoá” và “Văn minh”

1.2. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa

1.3.Phân kỳ các giai đoạn phát triển của văn minh thế giới.

1.3.1. Phân theo các giai đoạn lịch sử

1.3.2. Phân theo trình độ chế tác công cụ lao động và phương thức sản xuất

1.4. Giao lưu, tiếp xúc văn hóa, văn minh trong lịch sử nhân loại

1.4.1. Phương thức và con đường giao lưu, tiếp xúc văn hóa, văn minh

1.4.2. Vai trò của giao lưu, tiếp xúc văn hóa, văn minh đối với sự tiến bộ của nhân loại

Tài liệu

1. Lương Ninh (Chủ biên) (2001), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb. Giáo dục.
2. Will Durant, Nguyễn Hiến Lê (dịch) (2011), *Lá Bối*.
3. Brian M, Fagan (2004), *70 bí ẩn lớn của thế giới cổ đại: Giải mã 70 bí ẩn lớn của các nền văn minh cổ*, Nxb Mỹ thuật.

Chương 2: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI NGUYÊN THỦY VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI SỰ TIẾN BỘ XÃ HỘI

2.1. Những thành tựu văn hóa vật chất

2.1.1. Chế tác công cụ lao động

2.1.2. Tìm ra lửa

2.1.3. Xây dựng chỗ ở

2.2. Những thành tựu văn hóa tinh thần

2.2.1. Hôn nhân và tổ chức xã hội

2.2.2. Tư duy, ngôn ngữ

2.2.3. Nghệ thuật, tôn giáo

2.3. Vị trí, vai trò của văn hóa nguyên thủy đối với sự tiến bộ xã hội

Tài liệu

1. Thế Trường, Đinh Ngọc Lân, Hoàng Minh Thảo (2007), *Almanach những nền văn minh thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin.

2. Shirley Andrews, Đặng Trần Hạnh (dịch) (2007), *Almanach nền văn minh đầy bí ẩn đã biến mất*, Nxb Thế giới.

Chương 3: CÁC NỀN VĂN MINH LỚN TRÊN THẾ GIỚI THỜI KỲ CỔ - TRUNG ĐẠI

3.1. Các nền văn minh phương Đông cổ - trung đại

- 3.1.1. Văn minh Ai Cập cổ đại
- 3.1.2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại
- 3.1.3. Văn minh Ấn Độ cổ - trung đại
- 3.1.4. Văn minh Trung Hoa cổ - trung đại
- 3.1.5. Văn minh Arập thời trung đại
- 3.1.6. Văn minh khu vực Đông Nam Á cổ - trung đại
- 3.1.7. Những đóng góp nổi bật của văn minh phương Đông đối với lịch sử nhân loại

3.2. Văn minh phương Tây thời kỳ cổ - trung đại

- 3.2.1. Văn minh Hy - La cổ đại.
- 3.2.2. Văn minh Tây Âu thời trung đại.
- 3.2.3. Những đóng góp nổi bật của văn minh phương Tây đối với lịch sử nhân loại

Tài liệu

1. Jacquetta Hawkes, Leonard Woolley; Nguyễn Văn Thường (dịch) (2001), *Lịch sử văn minh nhân loại* - Trường viết văn Nguyễn Du: Văn hóa.
2. Mortimer Chambers, Barbara Hanawalt, David Herlihy, Lưu Văn Hy (dịch) (2004), *Lịch sử văn minh phương Tây*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. S. Stavriano, Đồng Lâm dịch (2007), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Lao động.

Chương 4: VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KỲ CẬN - HIỆN ĐẠI

4.1. Cuộc cách mạng công nghiệp và sự hình thành nền văn minh công nghiệp.

- 4.1.1. Cuộc cách mạng công nghiệp
- 4.1.2. Điều kiện hình thành và những thành tựu chủ yếu của văn minh công nghiệp
- 4.1.3. Những đặc trưng của văn minh công nghiệp và các quy tắc của nền sản xuất công nghiệp
- 4.1.4. Ảnh hưởng của văn minh công nghiệp đối với sự tiến bộ xã hội

4.2. Cách mạng khoa học - kỹ thuật và sự hình thành nền văn minh hậu công nghiệp (văn minh trí tuệ)

- 4.2.1. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật
- 4.2.2. Điều kiện hình thành nền văn minh hậu công nghiệp (văn minh trí tuệ)
- 4.2.3. Những thành tựu chủ yếu của văn minh hậu công nghiệp
- 4.2.4. Những đặc trưng của văn minh hậu công nghiệp
- 4.2.5. Ảnh hưởng của văn minh hậu công nghiệp đối với sự tiến bộ xã hội và xu thế phát triển của lịch sử

Tài liệu

1. Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (2005), *Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại - Xã hội*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

2. Lê Văn Siêu (2003), *Việt Nam văn minh sử - từ nguồn gốc đến thế kỷ X*, Nxb Lao động.
3. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

- Brian M, Fagan (2004), *70 bí ẩn lớn của thế giới cổ đại: Giải mã 70 bí ẩn lớn của các nền văn minh cổ*, Nxb Mỹ thuật.
- Thế Trường, Đinh Ngọc Lân, Hoàng Minh Thảo (2007), *Almanach những nền văn minh thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- Shirley Andrews, Đặng Trần Hạnh (dịch) (2007), *Almanach nền văn minh đầy bí ẩn đã biến mất*, Nxb Thế giới.
- Nguyễn Văn Khang, Đặng Thị Hạnh (dịch) (2007), *Các nền văn minh vĩ đại trên thế giới*, Nxb Văn hóa.
- Jacquetta Hawkes, Leonard Woolley ; Nguyễn Văn Thường (dịch) (2001), *Lịch sử văn minh nhân loại*- Trường viết văn Nguyễn Du: Văn hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

- Mortimer Chambers, Barbara Hanawalt, David Herlihy, Lưu Văn Hy (dịch) (2004), *Lịch sử văn minh phương Tây*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- Lê Văn Siêu (2003), *Việt Nam văn minh sử - từ nguồn gốc đến thế kỷ X*, Nxb Lao động.
- Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức.
- Trung tâm nghiên cứu quốc học Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	7	4	15
Chuyên đề 2	7	4	15
Chuyên đề 3	8	4	20
Chuyên đề 4	8	3	20
Tổng cộng	30	15	90

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

+ Điểm chuyên cần, thái độ : 10%

+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%

+ Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%

- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Trần Văn Thúc

9.6 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0913091136
- Email: nguyenhongsp123@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Tâm lý quản lý...

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Nguyễn Đức Sơn**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0913 303 387
- Email: nguyensontlhnue.edu.vn@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Tâm lý quản lý....

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Tâm lý học quản lý (Psychology of Management)
- **Mã học phần:** QVTL 506
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 1
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Bắt buộc
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức

- + Tâm lý học quản lý cung cấp cho học viên những tri thức cơ bản về đặc điểm tâm lý của người cán bộ quản lý (phẩm chất, năng lực, uy tín....) và đặc điểm tâm lý của người lao động (tính cách, động cơ, hứng thú, tình cảm, xúc cảm, tâm trạng...)
- + Nắm vững những tác động tâm lý đối với con người nói chung và người lao động nói riêng, tới các nhóm xã hội khác nhau.

+ Nắm vững các yếu tố tâm lý trong công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ, sự cần thiết xây dựng nhân cách của người cán bộ quản lý trong giai đoạn hiện nay.

3.2.Kỹ năng

- Xác định kiểu nhân cách của người quản lý và người lao động, tác động đến người lao động đạt hiệu quả cao, nâng cao năng suất lao động
- Có kỹ năng trong việc tuyển dụng, lựa chọn, sử dụng lao động đạt hiệu quả cao nhất.
- Rèn luyện những phẩm chất và năng lực cần thiết của người quản lý và người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc.

3.3.Thái độ Học viên có thái độ chủ động, linh hoạt trong quản lý, tôn trọng ý kiến cá nhân, có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và sẵn sàng học hỏi để nâng cao hiệu quả quản lý.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ

1.1. Khái niệm chung

- 1.1.1. Định nghĩa tâm lý học quản lý
- 1.1.2. Bản chất của tâm lý học quản lý
- 1.1.3. Khái quát về tâm lý học quản lý

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu

- 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu
- 1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu
- 1.2.3. Các phương pháp nghiên cứu

1.3. Lịch sử phát triển của tâm lý học quản lý

- 1.3.1. Những tiền đề để hình thành Tâm lý học quản lý
- 1.3.2. Taylor và thuyết quản lý theo khoa học
- 1.3.3. Sự phát triển tâm lý học quản lý ở Việt Nam

Tài liệu

1. Vũ Dũng (2006), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr. 9-42.
2. Ngô Công Hoàn (1997), *Tâm lý học xã hội trong quản lý*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.11-40.

Chương 2: ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO

2. 1. Khái niệm quản lý và lãnh đạo

- 2.1.1. Khái niệm quản lý
- 2.1.2. Khái niệm lãnh đạo
- 2.1.3. Sự khác biệt giữa người quản lý và người lãnh đạo

2. 2. Những đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo

- 2.2.1. Những phẩm chất cơ bản của người lãnh đạo
- 2.2.2. Những năng lực cơ bản của người lãnh đạo

2. 3. Phong cách lãnh đạo.

- 2.3.1. Khái niệm phong cách lãnh đạo
- 2.3.2. Các kiểu phong cách lãnh đạo cơ bản

Tài liệu

1. Vũ Dũng (2006), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Ngô Công Hoàn (1997), *Tâm lý học xã hội trong quản lý*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Chương 3: QUYỀN LỰC VÀ UY TÍN TRONG LÃNH ĐẠO

3. 1. Quyền lực trong lãnh đạo

- 3.1.1. Khái niệm quyền lực
- 3.1.2. Ý thức về quyền lực
- 3.1.3. Các hình thức cơ bản của quyền lực
- 3.1.4. Sự suy đồi của quyền lực

3. 2. Uy tín trong lãnh đạo

- 3.2.1. Khái niệm uy tín
- 3.2.2. Phân loại uy tín
- 3.2.3. Các yếu tố tạo nên uy tín của người lãnh đạo

Tài liệu

1. Ngô Công Hoàn (1997), *Tâm lý học xã hội trong quản lý*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Võ Thành Khối (2005), *Tâm lý học lãnh đạo, quản lý*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Chương 4: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

4. 1. Nhu cầu

- 4.1.1. Khái niệm nhu cầu
- 4.1.2. Các mức độ của nhu cầu
- 4.1.3. Các quy luật cơ bản của nhu cầu

4. 2. Động cơ làm việc

- 4.2.1. Khái niệm động cơ làm việc
- 4.2.2. Các học thuyết về động cơ làm việc
- 4.2.3. Người lãnh đạo và động cơ làm việc của người lao động

4.3. Khí chất.

- 4.3.1. Khái niệm khí chất
- 4.3.2. Các loại khí chất cơ bản
- 4.3.3. Người lãnh đạo và việc sử dụng các loại khí chất của người lao động trong hoạt động quản lý

4. 4. Tính cách

- 4.4.1. Khái niệm tính cách
- 4.4.2. Một số nét tính cách cơ bản và biểu hiện của tính cách trong cuộc sống
- 4.4.3. Ảnh hưởng của tính cách đến hoạt động thực tiễn của con người

4.5. Năng lực

- 4.5.1. Khái niệm năng lực
- 4.5.2. Sự hình thành và phát triển của năng lực

4.6. Xúc cảm và tâm trạng

4.6.1. Khái niệm xúc cảm, tâm trạng

4.6.2. Ảnh hưởng của xúc cảm, tâm trạng đến người lao động

Tài liệu

1.Ngô Công Hoàn (1997), *Tâm lý học xã hội trong quản lý*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2.Võ Thành Khôi (2005), *Tâm lý học lãnh đạo, quản lý*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Chương 5: NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ

5.1. Khái niệm

5.1.1. Khái niệm tổ chức

5.1.2. Khái niệm công tác tổ chức cán bộ.

5.2. Những đặc điểm về cấu trúc của tổ chức

5.2.1. Mục tiêu của tổ chức

5.2.2. Tương quan nhân sự trong tổ chức

5.2.3. Bản sắc của tổ chức

5.3. Những vấn đề tâm lý trong công tác tổ chức cán bộ

5.3.1. Những vấn đề tâm lý trong công tác tổ chức

5.3.2. Những vấn đề tâm lý trong công tác cán bộ

Tài liệu

1.Vũ Dũng (2006), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.150-170.

2.Võ Thành Khôi (2005), *Tâm lý học lãnh đạo, quản lý*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.102- 297.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc:

1. Vũ Dũng (2006), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Ngô Công Hoàn (1997), *Tâm lý học xã hội trong quản lý*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5.2.Tài liệu tham khảo: Võ Thành Khôi (2005), *Tâm lý học lãnh đạo, quản lý*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	3	3	8
Chuyên đề 2	3	3	16
Chuyên đề 3	3	3	10
Chuyên đề 4	3	3	16
Chuyên đề 5	3	3	10

Tổng cộng	15	15	60
------------------	-----------	-----------	-----------

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phân học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phân thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng

9.7 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP LUẬT VĂN HÓA_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Hoàng Đình Hiền**
- Chức danh, học hàm, học vị: TS.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian
- Điện thoại, email: 0983316670
- Email: hoangdinhkien@dvttd.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa, Quản lý công

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Nguyễn Minh Khang**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: GV thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0983.070.353
- Email: khangktcham@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Di sản văn hóa
 - + Tu bổ di tích gắn với phát triển du lịch....

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Pháp luật Văn hóa (Cultural legislation)
- **Mã học phần:** QVMS 507
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 2
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Tự chọn
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức:

- Học viên hiểu rõ các nguyên tắc, quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa, bao gồm bảo vệ và phát huy giá trị di sản, quản lý nghệ thuật, xuất bản, truyền thông và sở hữu trí tuệ.
- Nắm vững các chính sách, văn bản pháp luật về quản lý văn hóa, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động văn hóa.
- Nhận thức được vai trò của pháp luật trong việc định hướng phát triển văn hóa và bảo vệ quyền lợi văn hóa của cộng đồng.

3.2. Kỹ năng: Học viên có khả năng phân tích, áp dụng pháp luật trong quản lý và thực thi các hoạt động văn hóa, giải quyết tranh chấp pháp lý liên quan đến lĩnh vực văn hóa một cách hiệu quả.

3.3.Thái độ: Học viên có khả năng phân tích, áp dụng pháp luật trong quản lý và thực thi các hoạt động văn hóa, giải quyết tranh chấp pháp lý liên quan đến lĩnh vực văn hóa một cách hiệu quả.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT VĂN HÓA

1.1.Khái niệm pháp luật văn hóa

1.1.1. Văn hóa

1.1.2. Pháp luật

1.2. Các lĩnh vực của quản lý nhà nước về văn hóa

1.2.1. Các hoạt động thuộc lĩnh vực báo chí, xuất bản, Internet, quảng cáo.

1.2.2. Các hoạt động thuộc lĩnh vực điện ảnh.

1.2.3. Các hoạt động thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

1.2.4. Các hoạt động thuộc lĩnh vực mỹ thuật.

1.2.5. Các hoạt động thuộc lĩnh vực thư viện, bảo tồn, bảo tàng. .

1.2.6. Các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa thông tin cơ sở.

1.2.7. Các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa các dân tộc thiểu số.

1.2.8. Các hoạt động thuộc lĩnh vực quyền tác giả, nhuận bút.

1.2.9. Các hoạt động thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu văn hóa phẩm.

1.2.10. Các hoạt động thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy quản lý văn hóa.

1.3. Ảnh hưởng của các văn bản pháp luật văn hóa quốc tế đối với quá trình xây dựng hệ thống văn bản pháp luật văn hóa ở Việt Nam.

1.3.1. Những yếu tố tác động đến quản lý văn hóa hiện nay

1.3.2. Thuận lợi và khó khăn trong QLVH

1.3.3. Một số vấn đề đặt ra

Tài liệu

- Đoàn Văn Chúc (1993), *Những bài giảng về văn hóa: Nhân văn – xã hội học*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ văn hóa thông tin cơ sở*, Nxb Hà Nội.
- Hoàng Sơn Cường (1998), *Lược sử Quản lý Văn hóa ở Việt Nam*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Thức (2007), *Một số kinh nghiệm quản lý và hoạt động tư tưởng văn hóa*, Nxb Văn hóa-Thông tin.
- Nguyễn Thị Thục (chủ biên), *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ mới*, Nxb Thanh Hóa.
- Nguyễn Tri Nguyên (2004), *Những bài giảng về quản lý văn hóa trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- (1996), *Văn bản pháp quy về văn hóa – thông tin*, Nxb Văn hóa Thông tin.

Chương 2: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN MỘT SỐ CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VĂN HÓA

2.1. Phương pháp tổ chức triển khai thực hiện các Luật lĩnh vực văn hóa

2.1.1. Luật Di sản văn hóa năm 2001 (Sửa đổi bổ sung năm 2009)

Chương 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Chương 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI DI SẢN VĂN HÓA

Chương 3: BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DSVH PHI VẬT THỂ

Chương 4. BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DSVH VẬT THỂ

Chương 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DI SẢN VĂN HÓA

Chương 6. KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Chương 7: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Tài liệu

1. Quốc hội Việt Nam (2001), *Luật Di sản Văn hóa*
2. Quốc hội Việt Nam (2006), *Luật Điện ảnh*
3. Quốc hội Việt Nam (2012), *Luật Xuất bản*
4. Quốc hội Việt Nam (2012), *Luật Quảng cáo*.
5. Quốc hội Việt Nam (2006), *Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền*
6. Các văn bản quy pháp pháp luật về lĩnh vực văn hóa khác.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

- Đoàn Văn Chúc (1993), *Những bài giảng về văn hóa: Nhân văn – xã hội học*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- Hà Văn Tấn (2004), *Tài liệu nghiệp vụ văn hóa thông tin cơ sở*, Nxb Hà Nội.
- Hoàng Sơn Cường (1998), *Lược sử Quản lý Văn hóa ở Việt Nam*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Thức (2007), *Một số kinh nghiệm quản lý và hoạt động tư tưởng văn hóa*, Nxb Văn hóa-Thông tin.
- Nguyễn Thị Thục (chủ biên), *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ mới*, Nxb Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tri Nguyên (2004), *Những bài giảng về quản lý văn hóa trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- (1996), *Văn bản pháp quy về văn hóa – thông tin*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- Quốc hội Việt Nam (2001), *Luật Di sản Văn hóa*
- Quốc hội Việt Nam (2006), *Luật Điện ảnh*
- Quốc hội Việt Nam (2012), *Luật Xuất bản*
- Quốc hội Việt Nam (2012), *Luật Quảng cáo*.
- Quốc hội Việt Nam (2006), *Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền*
- Các văn bản quy pháp pháp luật về lĩnh vực văn hóa khác.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	8	7	30
Chuyên đề 2	7	8	30
Tổng cộng	15	15	60

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phân thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Hoàng Đình Hiền

9.8 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA LÀNG XÃ_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

+ Họ và tên: **Lê Thị Thảo**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

-Địa chỉ liên hệ: Phố Tây Ga, P.Phú Sơn, Thành phố Thanh Hóa

- Điện thoại: 0933 868 919

- Email:

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Di sản Văn hóa

+ Làng xã Việt Nam...

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Lã Thị Tuyên

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

- Địa chỉ liên hệ: Phường An Hoạch, TP Thanh Hóa

- Điện thoại: 0919604898

- Email: lathituyen@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Giáo dục học, Tâm lý quản lý

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- *Tên học phần:* Văn hóa làng xã Việt Nam (Rural Culture)

- *Mã học phần:* QVVH 508

- *Số tín chỉ:* 02 (1,1)

- *Học kỳ thực hiện:* 2

- *Học phần kế tiếp:* Không

- *Loại học phần:* Tự chọn

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Phân bố thời gian:*

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về những nội dung cơ bản của văn hóa làng xã Việt Nam truyền thống, xu hướng biến đổi của văn hóa làng theo thời gian.

3.2. Kỹ năng: Thông qua học phần học viên được rèn luyện kỹ năng tổng hợp, phân tích tư liệu; luận giải được hệ giá trị của văn hóa làng xã ở nông thôn Việt Nam và những biến đổi trong giai đoạn hiện nay.

3.3. Thái độ: Học viên trân trọng và tự hào về văn hóa làng xã Việt Nam, có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, đồng thời thích ứng với sự phát triển của xã hội hiện đại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ LÀNG XÃ VIỆT NAM VÀ KẾT CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI LÀNG XÃ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

1.1. Khái quát về làng xã Việt Nam

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Khái niệm “Làng”, “Xã”, “Thôn”

1.1.1.2. Khái niệm “Văn hóa làng”

1.1.2. Tên gọi và phân loại làng xã

1.1.2.1. Tên gọi làng xã

1.1.2.2. Phân loại làng xã

1.1.3. Sự hình thành và phát triển của làng xã người Việt

1.1.3.1. Sự ra đời và những biến đổi của làng xã Việt Nam trong tiến trình lịch sử

1.1.3.2. Sự trở lại vị trí của thôn làng truyền thống trong nông thôn Việt Nam hiện nay

1.2. Kết cấu kinh tế - xã hội làng xã Việt Nam truyền thống

1.2.1. Kết cấu kinh tế

1.2.1.1. Nông nghiệp

1.2.1.2. Thủ công nghiệp

1.2.1.3. Thương nghiệp

1.2.1.4. Đặc điểm chung của kinh tế làng xã Việt Nam

1.2.2. Kết cấu xã hội

1.2.1.2. Các loại hình tổ chức xã hội

1.2.1.3. Bộ máy quản lý làng xã

1.2.1.4. Công cụ quản lý làng xã – hương ước

1.2.1.5. Đặc điểm tổ chức xã hội của làng xã Việt Nam

Tài liệu

1. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Bách khoa.

2. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý.

Chương 2: VĂN HÓA LÀNG XÃ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

2.1. Một số yếu tố văn hóa vật thể

2.1.1. Đình

2.1.2. Đền, miếu, nghè, am, quán

2.1.3. Chùa

2.1.4. Văn chỉ, văn từ

2.1.5. Nhà thờ họ

2.2. Một số yếu tố văn hóa phi vật thể

- 2.2.1. Tôn giáo, tín ngưỡng
- 2.2.2. Lễ hội, di sản văn hóa dân gian
- 2.2.3. Phong tục tập quán

2.3. Đặc điểm của văn hóa làng xã Việt Nam

- 2.3.1. Văn hóa làng xã Việt Nam gắn liền với nông nghiệp ruộng nước và cơ cấu xóm làng
- 2.3.2. Tính hướng nội của văn hóa làng xã
- 2.3.3. Cơ chế kế thừa văn hóa làng xã Việt Nam
- 2.3.4. Một số đặc trưng văn hóa làng xã khác

2.4. Vị trí, vai trò của văn hóa làng xã trong nền văn hóa Việt Nam

- 2.4.1. Văn hóa làng xã với văn hóa dân gian
- 2.4.2. Văn hóa làng xã với văn hóa đô thị
- 2.4.3. Văn hóa làng xã trong sự hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam

Tài liệu

1. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý.
2. Hồ Đức Thọ (1999), *Lệ làng Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
3. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), *Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ*, Nxb Đà Nẵng.
4. Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia.

Chương 3: VĂN HÓA LÀNG XÃ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

3.1. Kinh tế - xã hội làng xã Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

- 3.1.1. Những tác động của quá trình hội nhập đối với kinh tế - xã hội làng xã Việt Nam
- 3.1.2. Sự biến đổi cơ cấu kinh tế - tổ chức xã hội làng xã Việt Nam trong bối cảnh hội nhập
- 3.1.3. Những mặt tích cực và hạn chế của quá trình biến đổi kinh tế - xã hội làng xã Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

3.2. Văn hóa làng xã Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

- 3.2.1. Những tác động của quá trình hội nhập đối với văn hóa làng xã Việt Nam
- 3.2.2. Sự biến đổi văn hóa làng xã Việt Nam trong bối cảnh hội nhập
- 3.2.3. Những mặt tích cực và hạn chế của quá trình biến đổi văn hóa làng xã Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

3.4. Định hướng phát triển văn hóa làng xã Việt Nam

- 3.4.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội làng xã Việt Nam
- 3.4.2. Định hướng phát triển văn hóa làng xã Việt Nam

Tài liệu

1. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Bách khoa.
2. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), *Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ*, Nxb Đà Nẵng.
3. Nguyễn Văn Thảo (Chủ biên) (2010), *Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Lao động Xã hội.
4. Thùy Trang (2009), *Văn hóa làng xã tín ngưỡng, tục lệ và hội làng*, Nxb Thời đại.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Bách khoa.
2. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý.
3. Ban nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa (2002), *Tên làng xã Thanh Hóa*, Tập 2, Nxb Thanh Hóa.
4. Hà Mạnh Khoa (2009), *Làng nghề thủ công và làng khoa bảng thời kỳ phong kiến ở đồng bằng sông Mã*, Nxb Từ điển Bách khoa.
5. Hồ Đức Thọ (1999), *Lệ làng Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
6. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), *Làng Việt đối diện tương lai hội sinh quá khứ*, Nxb Đà Nẵng.
7. Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia.

5.2.Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thảo (Chủ biên) (2010), *Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Lao động Xã hội.
2. Thùy Trang (2009), *Văn hóa làng xã tín ngưỡng, tục lệ và hội làng*, Nxb Thời đại.
3. Trần Lâm Biền (2017), *Đình làng Việt (châu thổ Bắc Bộ)*, Nxb Hồng Đức.
4. Trần Diễm Thúy (2006), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	5	5	10
Chuyên đề 2	5	5	10
Chuyên đề 3	5	5	10
Tổng cộng	15	15	30

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỜNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỜNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Lê Thị Thảo

9.9 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA TÔN GIÁO VIỆT NAM_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Hoàng Bá Tường**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Lê Hồng Phong, P. Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912 314 177
- Email: hoangtuongbtgth@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Lễ hội truyền thống;
- + Văn hóa dân gian
- + Thiết chế Văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Lê Thị Minh Lý**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ: TP. Thanh Hóa.
- Điện thoại: 0913 591 266
- Email: lethiminhlly@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Di sản văn hóa
- + Lễ hội truyền thống
- + Quản lý thiết chế văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Văn hóa Tôn giáo Việt Nam
(Religious Culture Vietnam)

- **Mã học phần:** QVVH 509

- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 2

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Tự chọn

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- **2.2.Bộ môn phụ trách học phần:** Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Nắm vững các vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn gốc ra đời, giáo lý, lễ nghi, tổ chức, sự phát triển của các tôn giáo. Đặc điểm và nội dung tác động, ảnh hưởng của các tôn giáo đến văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đời sống văn hóa dân tộc.

3.2. Kỹ năng: Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và đề xuất các biện pháp phù hợp để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở địa phương đạt hiệu quả.

3.3.Thái độ: Học viên tôn trọng sự đa dạng tôn giáo, có thái độ khách quan, cởi mở trong nghiên cứu và giao lưu văn hóa, đồng thời có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tôn giáo trong đời sống xã hội.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: PHẬT GIÁO VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM

1.1. Phật giáo- lịch sử ra đời và phát triển

1.1.1. Những tiền đề cơ bản

1.1.2. Giáo lý của Đạo Phật

1.1.3. Tổ chức giáo hội

1.2. Phật giáo du nhập vào Việt Nam

1.2.1. Vấn đề truyền giáo

1.2.2. Một số đặc điểm của Phật giáo ở Việt Nam

1.3. Phật giáo với văn hóa Việt Nam

1.3.1. Ảnh hưởng của Phật giáo về mặt tư tưởng triết học và đạo lý

1.3.2. Ảnh hưởng của Phật giáo qua quá trình hội nhập văn hóa Việt Nam

1.3.3. Ảnh hưởng của Phật giáo qua góc độ nhân văn và xã hội

1.3.4. Ảnh hưởng của Phật giáo qua các loại hình nghệ thuật

Tài liệu

1. Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Thích Tuệ Nhuận (dịch giả) (2011), *Kinh được sự*, Nxb Tôn giáo.
3. Toan Ánh (2005), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ

Chương 2: CƠ ĐỐC GIÁO VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

2.1. Cơ đốc giáo- lịch sử hình thành và phát triển

2.1.1. Những tiền đề cơ bản

2.1.2. Quá trình phát triển của đạo Cơ đốc

2.1.3. Giáo lý, luật lệ, lễ nghi

2.2. Đạo Công giáo du nhập vào Việt Nam

2.2.1. Giai đoạn từ 1533 đến 1658

2.2.2. Giai đoạn từ 1658 trở đi

2.2.3. Một số đặc điểm của đạo Công giáo ở Việt Nam

2.3. Đạo Công giáo với văn hóa Việt Nam

2.3.1. Một số quan điểm

2.3.2. Đạo Công giáo với văn hóa Việt Nam

Tài liệu

1. Huy Thông, *Ảnh hưởng qua lại giữa văn hoá Công giáo và văn hoá Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2, năm 2000, tr.56-59.
2. Nguyễn Văn Hoàn, *Chữ Quốc ngữ và sự phát triển của văn hoá Việt Nam trong thế kỷ XX*, Tạp chí Văn học, số 9, năm 2000, tr.43-48.
3. http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/3171/Anh_huong_cua_Cong_giao_voi_nen_van_hoa_Viet_Nam.
4. Dương Văn Sáu (2014), *Hệ thống di tích Nho học Việt Nam và các văn miếu tiêu biểu ở Bắc Bộ*, Nxb Thông tin và Truyền thông

Chương 3: NHO GIÁO VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM

3.1. Sơ lược về Nho giáo

- 3.1.1. Sự hình thành Nho giáo
- 3.1.2. Nội dung cơ bản của Nho giáo
- 3.1.3. Quá trình phát triển Nho giáo

3.2. Nho giáo du nhập vào Việt Nam

- 3.2.1. Thời Bắc thuộc
- 3.2.2. Thời quân chủ phong kiến
- 3.2.3. Một số đặc trưng cơ bản của Nho giáo Việt Nam

3.3. Nho giáo với văn hóa Việt Nam

- 3.3.1. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương diện tư tưởng
- 3.3.2. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương diện đời sống xã hội
- 3.3.3. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương diện đạo đức, lối sống
- 3.3.4. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương tín ngưỡng

Tài liệu

1. Cục Văn hóa – Thông tin cơ sở (1999), *Tín ngưỡng Mê tín*, Nxb Thanh Niên.
2. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Toan Ánh (2005), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ

Chương 4: ĐẠO GIÁO VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM

4.1. Sơ lược về Đạo giáo

- 4.1.1. Sự hình thành Đạo giáo
- 4.1.2. Nội dung cơ bản của Đạo giáo
- 4.1.3. Quá trình phát triển Đạo giáo

4.2. Đạo giáo du nhập vào Việt Nam

- 4.2.1. Thời Bắc thuộc
- 4.2.2. Thời quân chủ phong kiến
- 4.2.3. Một số đặc trưng cơ bản của Đạo giáo Việt Nam

4.3. Đạo giáo với văn hóa Việt Nam

- 4.3.1. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi chính trị
- 4.3.2. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi tư tưởng, văn học
- 4.3.3. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi ứng xử với thời cuộc
- 4.3.4. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi tín ngưỡng

Tài liệu

1. Cục Văn hóa – Thông tin cơ sở (1999), *Tín ngưỡng Mê tín*, Nxb Thanh Niên.
2. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- Toan Ánh (2005), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Cục Văn hóa – Thông tin cơ sở (1999), *Tín ngưỡng Mê tín*, Nxb Thanh Niên.
2. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Dương Văn Sáu (2014), *Hệ thống di tích Nho học Việt Nam và các văn miếu tiêu biểu ở Bắc Bộ*, Nxb Thông tin và Truyền thông.
4. Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Giáo Hội Phật giáo tỉnh Thanh Hóa (2017), *Hành trang chư tăng ni Thanh Hóa*, tập 1, Nxb Thanh Hóa.
6. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (2016), *Chùa xứ Thanh*, 4 tập, Nxb Thanh Hóa.
7. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (2016), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phật giáo tỉnh Thanh Hóa trong dòng chảy lịch sử dân tộc*, Nxb Thanh Hóa.
8. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (2017), *Tuyển tập văn bia Phật giáo Thanh Hóa* (tập 1) (Thời Hậu Lê-Nguyễn), Nxb Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Minh Tường (2011), *Tìm hiểu Văn hóa và tín ngưỡng của đồng bào miền núi Thanh Hóa*, Nxb Thanh Hóa.
2. Lê Đình Phụng (2015), *Đối thoại với bền văn minh cổ Chăm Pa*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Lê Hồng Dương- Thượng tọa Thích Thọ Lạc (đồng chủ biên) (2010), *Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước*, Nxb Khoa học Xã hội.
4. Thích Tuệ Nhuận (dịch giả) (2011), *Kinh lược sư*, Nxb Tôn giáo.
5. Toan Ánh (2005), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	4	4	15
Chuyên đề 2	4	4	15
Chuyên đề 3	4	4	15
Chuyên đề 4	3	3	15
Tổng cộng	15	15	60

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

+ Điểm chuyên cần, thái độ :	10%
+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập:	20%
+ Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận)	70%

- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Hoàng Bá Tường

9.10 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN_ 2TC

(1,1)

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Thị Trúc Quỳnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: TT. Tân Phong, huyện Quảng Xương
- Điện thoại: 0918.458.589
- Email: nguyennhhd@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa du lịch

1.2. Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thế Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
Địa chỉ liên hệ: Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa
Điện thoại: 0914611586
Email: nguyentheanh@dvttdt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: DSVH, Thiết chế văn hóa

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên ngành:

- **Tên học phần:** Văn hóa và phát triển (Culture and Development)
- **Mã học phần:** QVVH 510
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 2
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Tự chọn
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**
 - Giảng lý thuyết:* 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập:* 15 tiết
 - Thực hành, thực tập:* 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu:* 60 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức Nhận thức căn bản về những quy luật căn bản của kinh tế và văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa ở thế kỷ XXI; Vai trò vị thế của văn hóa trong phát triển; Nhận dạng và nghiên cứu thực tiễn văn hóa và phát triển ở Việt Nam;

3.2. Kỹ năng Có khả năng nghiên cứu, đánh giá các hình thái văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa ở Việt Nam; Phân tích- dự báo trong công tác QLVH nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế một cách hiệu quả.

3.3.Thái độ Học viên có ý thức tôn trọng và phát huy các giá trị văn hóa trong quá trình phát triển, tư duy cởi mở, sáng tạo và trách nhiệm trong việc bảo tồn văn hóa gắn với sự tiến bộ xã hội.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: SỰ TƯƠNG TÁC CỦA VĂN HÓA - KINH TẾ TRONG QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA

1.1.Vị thế của văn hóa trong quá trình toàn cầu

- 1.1.1. Nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của con người
- 1.1.2. Vai trò của văn hóa trong lịch sử đời sống con người
- 1.1.3. Giá trị của văn hóa trong cuộc sống

1.2. Sự tác động của toàn cầu đến văn hóa trên bình diện kinh tế và công nghệ

- 1.2.1. Những tác động kinh tế thị trường đến văn hóa
- 1.2.2. Những tác động của Công nghệ đến văn hóa
- 1.2.3. Những mâu thuẫn của đồng quy văn hóa

1.3. Những tương tác giữa kinh tế và văn hóa trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa.

- 1.3.1. Mâu thuẫn giữa động lực của kinh tế và động lực của văn hóa.
- 1.3.2. Tương tác - xung đột - hợp tác giữa văn hóa - công nghệ- kinh tế ở thế kỷ 21.
- 1.3.3. Tương tác và mâu thuẫn về giá trị (Luận thuyết A. Smit và Alvin Toffler).

Tài liệu

- 1. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- 2. Trần Quốc Vượng (2016), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học.
- 3. Huỳnh Công Bá (2012), *Lịch sử Văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa.
- 4. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb Văn hóa Thông tin.

Chương 2: VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN

2.1. Văn hóa là mục tiêu phát triển của con người

- 2.2.1. Khái quát diễn trình phát triển văn hóa của loài người
- 2.2.2. Văn hóa là mục tiêu tất yếu của kinh tế, công nghệ
- 2.2.3. Văn hóa là sản phẩm cuối cùng của cuộc sống con người

2.2. Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa.

- 2.2.1. Sự chuyển dịch văn hóa tất yếu ở thế kỷ 21
- 2.2.2. Quá trình tương tác của các nền văn hóa.
- 2.2.3. Hệ quả của toàn cầu hóa văn hóa

2.3. Những vấn đề bảo tồn Văn hóa truyền thống, Quốc gia, Dân tộc trong bối cảnh toàn cầu ở Việt Nam;

- 2.3.1. Mối quan hệ của Văn hóa toàn cầu và Văn hóa Dân tộc- Quốc gia;
- 2.3.2. Những cảnh báo về sự đồng điệu, nghèo nàn của quá trình toàn cầu hóa văn hóa ở Việt Nam;

2.3.3. Giải pháp bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống trong bối cảnh Kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở Việt Nam.

Tài liệu

1. W.Scott Morton- C.M.Lewis (2008), *Lịch sử và văn hóa Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Lâm Biền (2013), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb VH TT.
3. Trần Quốc Vượng (2016), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học.
4. Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (Biên dịch) (2005), *Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại – Xã hội*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
5. Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb Văn hóa Thông tin.
7. (2004) *Đại việt sử ký toàn thư* (tập 1, 2), Nxb Văn hóa Thông tin.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc

1. W.Scott Morton- C.M.Lewis (2008), *Lịch sử và văn hóa Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Thị Minh Hòa (Chủ biên) (2014), *Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
4. Trần Lâm Biền (2013), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb VH TT.
5. Trần Quốc Vượng (2016), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học.

5.2.Tài liệu tham khảo

1. Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (Biên dịch) (2005), *Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại – Xã hội*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
2. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức.
3. Phạm Đức Dương (2007), *Bức tranh ngôn ngữ-văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Lê (2011), *Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
5. Huỳnh Công Bá (2012), *Lịch sử Văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa.
6. Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb Văn hóa Thông tin.
8. (2004) *Đại việt sử ký toàn thư* (tập 1, 2), Nxb Văn hóa Thông tin.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học

Chuyên đề 1	7	7	30
Chuyên đề 2	8	8	30
Tổng cộng	15	15	60

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Trúc Quỳnh

9.11 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐÔNG NAM Á_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Phố Thành Mai, P. Quảng Thành, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 097 478 1289
- Email: nguyenvandungvhnt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Ngôn ngữ
 - + Ngôn ngữ văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Tạ Thị Thủy**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Đông Sơn, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0902 149 586
- Email: thuycvh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Ngôn ngữ
 - + Ngôn ngữ văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á
(Vietnamese Culture in the context of South-East Asia)
- **Mã học phần:** QVVH 511
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 2
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Tự chọn
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**
 - Giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về văn hóa Việt Nam trong nền cảnh văn hóa Đông Nam Á. Giúp học viên nhận biết được quá trình vận động và phát triển của văn hóa Đông Nam Á, cơ tầng Đông Nam Á và bản sắc văn hóa Việt Nam. Những nét tương đồng và khác biệt của văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á.

3.2. Kỹ năng: Thông qua học phần học viên có cái nhìn biện chứng về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam cũng như đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á, giúp cho họ nâng cao năng lực kiến thức và trách nhiệm trong công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, cũng như giao lưu văn hóa quốc tế.

3.3.Thái độ: Học viên trân trọng bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời có thái độ cởi mở, tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong khu vực Đông Nam Á.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

1.1. Quá trình nhận thức về tính khu vực của Đông Nam Á

1.1.1. Sự nhận thức về tính khu vực của Đông Nam Á thời cổ trung đại

1.1.2. Sự nhận thức về tính khu vực của Đông Nam Á thời cận hiện đại

1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội khu vực Đông Nam Á

1.2.1. Điều kiện tự nhiên

1.2.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

1.3. Khái quát quá trình hình thành và phát triển các quốc gia Đông Nam Á

1.3.1. Sự xuất hiện và tiến hóa của con người ở Đông Nam Á

1.3.2. Sự xuất hiện các vương quốc cổ đại Đông Nam Á

1.3.3. Quá trình hình thành và phát triển các quốc gia dân tộc Đông Nam Á thời Trung đại

1.3.4. Các quốc gia Đông Nam Á thời cận và hiện đại

1.4. Cơ tầng văn hóa Đông Nam Á

1.4.1. Định vị loại hình văn hóa Đông Nam Á

1.4.2. Đặc trưng cơ tầng văn hóa Đông Nam Á

1.4.2.1. Ngữ hệ

1.4.2.2. Tộc người

1.4.2.3. Tổ chức sản xuất và đời sống

1.4.2.4. Tổ chức gia đình và xã hội

1.4.2.5. Nhận thức trí tuệ và đời sống tâm linh

1.4.2.6. Sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa Đông Nam Á

Tài liệu

1. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
2. Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (Biên dịch) (2005), *Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại – Xã hội*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
3. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức.
4. Phạm Đức Dương (2007), *Bức tranh ngôn ngữ-văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục

Chương 2: VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG KHÔNG GIAN VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á

1.1. Lịch sử hội nhập Đông Nam Á của Việt Nam

1.1.1. Quá trình hội nhập Đông Nam Á của Việt Nam thời cổ trung đại

1.1.2. Quá trình hội nhập Đông Nam Á của Việt Nam thời cận hiện đại

1.2. Quá trình hình thành tộc người và ngôn ngữ ở Việt Nam trong mối tương quan với khu vực Đông Nam Á

1.2.1. Quá trình hình thành tộc người và ngôn ngữ ở Đông Nam Á

1.2.2. Quá trình hình thành tộc người và ngôn ngữ ở Việt Nam

1.3. Cội nguồn mô hình văn hóa - xã hội lúa nước của người Việt và sự hình thành nhà nước sơ khai của Việt Nam trong mối tương quan với khu vực Đông Nam Á

1.3.1. Cội nguồn mô hình văn hóa – xã hội lúa nước của người Việt

1.3.2. Sự hình thành nhà nước sơ khai ở Việt Nam

1.4. Sự thống nhất và khu biệt của văn hóa Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á

1.4.1. Sự thống nhất của văn hóa Việt Nam khu vực Đông Nam Á

1.4.2. Sự khu biệt của văn hóa Việt Nam khu vực Đông Nam Á

1.5. Con đường phát triển của văn hóa Việt Nam

1.5.1. Những chiều hướng, đặc điểm phát triển văn hóa Việt Nam trong lịch sử

1.5.2. Văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập khu vực và toàn cầu hóa hiện nay.

Tài liệu

1. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức.
2. Phạm Đức Dương (2007), *Bức tranh ngôn ngữ-văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc :

1. W.Scott Morton- C.M.Lewis (2008), *Lịch sử và văn hóa Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Thị Minh Hòa (Chủ biên) (2014), *Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
4. Trần Lâm Biền (2013), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb VHNT.
5. Trần Quốc Vượng (2016), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học.
6. Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyển (Biên dịch) (2005), *Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại – Xã hội*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

7. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức.
8. Phạm Đức Dương (2007), *Bức tranh ngôn ngữ-văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam – Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa*, Nxb Giáo dục

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Lê (2011), *Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Huỳnh Công Bá (2012), *Lịch sử Văn hóa Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa.
3. Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb VHTT.
5. (2004) *Đại việt sử ký toàn thư* (tập 1, 2), Nxb VHTT.
6. Bùi Quang Thắng (2003), *Hành trình vào văn hóa học*, Nxb VHTT.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	8	7	30
Chuyên đề 2	7	8	30
Tổng cộng	15	15	60

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc vấn đáp): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN SOẠN





TS. Lê Thị Thảo

TS. Lê Thị Thảo

TS. Nguyễn Văn Dũng

9.12 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

+ Họ và tên: **Hoàng Bá Tường**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

-Địa chỉ liên hệ: Lê Hồng Phong, P. Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa

- Điện thoại: 0912 314 177

- Email: hoangtuongbtgth@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Lễ hội truyền thống

+ Văn hóa dân gian

+ Thiết chế Văn hóa

1.2. Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+ Họ và tên: **Nguyễn Thị Thái**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Thanh Hóa

- Điện thoại: 0913 591 266

- Email: nguyenthithai@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Văn hóa và văn học

+ Lễ hội truyền thống

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên ngành:

- **Tên học phần:** Lễ hội truyền thống Việt Nam (Vietnamese Traditional festivals)

- **Mã học phần:** QVLH 512

- **Số tín chỉ:** 03 (2,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 3

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Bắt buộc

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 30 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lễ hội truyền thống Việt Nam. Giúp học viên nâng cao hiểu biết và trân trọng, tự hào về những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

3.2. Kỹ năng Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức và tham gia các hoạt động liên quan đến việc nghiên cứu và thực hành hệ thống lễ hội truyền thống ở Việt Nam.

3.3. Thái độ: Học viên trân trọng và tự hào về các lễ hội truyền thống Việt Nam, có ý thức bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa lễ hội, đồng thời tôn trọng sự đa dạng và biến đổi của lễ hội trong bối cảnh hiện đại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

1.1. Khái niệm “lễ hội” và “lễ hội truyền thống”

1.1.1. Lễ hội

1.1.2. Lễ hội truyền thống

1.2. Đặc điểm lễ hội truyền thống

1.2.1. Lễ hội truyền thống gắn với đời sống tâm linh và nhu cầu vui chơi, giải trí

1.2.2. Lễ hội truyền thống mang tính hệ thống phức hợp

1.2.3. Chủ thể của lễ hội truyền thống là cộng đồng

1.3. Giá trị của lễ hội truyền thống

1.3.1. Giá trị lịch sử

1.3.1. Giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng

1.3.2. Giá trị hướng về cội nguồn

1.3.3. Giá trị cân bằng đời sống tâm linh

1.3.4. Giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa

1.3.5. Giá trị bảo tồn và trao truyền văn hóa

1.4. Chức năng và vai trò của lễ hội truyền thống

1.4.1. Chức năng của lễ hội truyền thống

1.4.2. Vai trò của lễ hội truyền thống

Tài liệu

1. Nguyễn Quang Lê (2011), *Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Thu Huyền, Ái Phương (siêu tầm, tuyển chọn) (2011), *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb Lao động

Chương 2: LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở BẮC BỘ

1.1. Đặc trưng lễ hội truyền thống ở Bắc Bộ

1.1.1. Tinh hoa văn hóa dân tộc được kế thừa liên tục

1.1.2. Mang tính chất lễ hội nông nghiệp

1.1.3. Đậm yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo

1.1.4. Lễ hội thường được đồng nhất gắn với các thiết chế văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng (đền, chùa chiền, miếu mạo...)

2.2. Một số lễ hội truyền thống tiêu biểu

2.2.1. Lễ hội Hùng Vương

2.2.1. Lễ hội Thánh Gióng

2.2.2. Lễ hội Chử Đồng Tử

2.2.3. Lễ hội chùa Hương

2.2.4. Lễ hội Gò Đống Đa

2.2.5. Hội Lim

2.2.6. Lễ hội Phủ Dầy

Tài liệu

1. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin.

2. Nguyễn Chí Bền (2015), *Lễ hội cổ truyền của người Việt cấu trúc và thành tố*, Nxb Khoa học Xã hội.

Chương 3: LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở TRUNG BỘ

3.1. Đặc trưng lễ hội truyền thống Trung Bộ

- 3.1.1. Chịu sự ảnh hưởng từ các yếu tố tự nhiên (núi non, biển, sông ngòi, các đầm, đồng bằng ven biển...).
- 3.1.2. Mang dấu ấn của văn hóa cung đình và Chăm Pa
- 3.1.3. Vừa có tính đặc trưng và tính tương đồng với nền văn hóa chính thể

3.2. Một số lễ hội truyền thống tiêu biểu

- 3.2.1. Lễ hội Lam Kinh (Thanh Hóa)
- 3.2.2. Lễ hội đền Cờn (Nghệ An)
- 3.2.3. Lễ hội Chùa Hương (Hương Sơn, Hà Tĩnh)
- 3.2.4. Hội đua thuyền ở Đồng Hới (Quảng Bình)
- 3.2.5. Lễ hội Cầu ngư (Thuận An, Thừa Thiên - Huế)

Tài liệu

1. Nguyễn Chí Bền (2015), *Lễ hội cổ truyền của người Việt cấu trúc và thành tố*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Toan Ánh (2005), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ.
3. Vũ Thị Mai Anh (2015), *Đời nay cung tiến, ngàn sau phụng thờ*, Nxb Thế giới.

Chương 4: LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở NAM BỘ

4.1. Đặc trưng lễ hội truyền thống Nam Bộ

- 4.1.1. Mang yếu tố sông nước
- 4.1.2. Mang dấu ấn văn hóa Khơme
- 4.1.3. Mang dấu ấn người Chăm Nam Bộ

4.2. Một số lễ hội truyền thống tiêu biểu

- 4.2.1. Lễ hội Bà Chúa Xứ (An Giang)
- 4.2.2. Lễ hội Nghinh Ông (Duyên hải Nam bộ)
- 4.2.3. Lễ hội Tứ Kiệt (Đồng Tháp)

Tài liệu

1. Nguyễn Quang Lê (2011), *Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Thu Huyền, Ái Phương (siêu tầm, tuyển chọn) (2011), *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb Lao động
3. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin.
4. Nguyễn Chí Bền (2015), *Lễ hội cổ truyền của người Việt cấu trúc và thành tố*, Nxb Khoa học Xã hội.

Chương 5: LỄ HỘI CỦA MỘT SỐ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

4.1. Lễ hội của đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc

4.1.1. Lễ hội Gầu tào của người Mông

4.1.2. Lễ hội Lồng tồng của người Tày

4.2. Lễ hội của đồng bào dân tộc Trường Sơn – Tây Nguyên

4.2.1. Lễ hội đâm trâu

4.2.2. Lễ hội mừng cơm mới

4.3. Lễ hội của đồng bào dân tộc phía Nam

4.3.1. Lễ hội Ka –tê của người Chăm

4.3.2. Lễ hội Chol Chnam Thmay và Ok Om Bok của người Khơ me

Tài liệu

1. Nguyễn Chí Bền (2015), *Lễ hội cổ truyền của người Việt cấu trúc và thành tố*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Nguyễn Quang Lê (2011), *Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Thu Huyền, Ái Phương (siêu tầm, tuyển chọn) (2011), *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb Lao động.
4. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb VHTT.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Quang Lê (2011), *Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Thu Huyền, Ái Phương (siêu tầm, tuyển chọn) (2011), *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb Lao động
3. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin.
4. Hoàng Anh Nhân (2006), *Lễ tục, lễ hội truyền thống xứ Thanh*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

5.2.Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Chí Bền (2015), *Lễ hội cổ truyền của người Việt cấu trúc và thành tố*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Nguyễn Thị Thục (Chủ biên) (2016), *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa thời kỳ đổi mới*, Nxb Thanh Hóa.
3. Phạm Bá Khiêm (Biên soạn và giới thiệu) (2013), *Đền Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương*, Nxb Văn hóa Thông tin.
4. Toan Ánh (2005), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Trẻ.
5. Vũ Thị Mai Anh (2015), *Đời nay cung tiến, ngàn sau phụng thờ*, Nxb Thế giới

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần
-------------------	------------------------------

	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	6	3	20
Chuyên đề 2	6	3	15
Chuyên đề 3	6	3	15
Chuyên đề 4	6	3	20
Chuyên đề 5	6	3	20
Tổng cộng	30	15	90

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc vấn đáp): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Hoàng Bá Tường

9.13 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG_ 2TC (1,1)

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: **Đoàn Văn Trường**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

Địa chỉ liên hệ: Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hoá

Điện thoại: 0979283406

Email: doanvantruong@dvttdt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: xã hội học, truyền thông

1.2. Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+ Họ và tên: **Nguyễn Trí Nhiệm**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 0903.283.354

- Email: trinhiem@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Quản lý truyền thông

+ Truyền thông với phát triển

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên ngành:

- **Tên học phần:** Quản lý truyền thông đại chúng
(Mass communication management)

- **Mã học phần:** QVQL 513

- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 3

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Bắt buộc

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức: Nắm sâu được vững những vấn đề lý luận cơ bản về bản chất, lịch sử hình thành, các lý thuyết nghiên cứu; mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và các vấn đề xã hội cũng như vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực Truyền thông đại chúng.

3.2. Kỹ năng: Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các hoạt động liên quan đến việc xây dựng, triển khai, quản lý Truyền thông đại chúng.

3.3. Thái độ: Học viên có thái độ trách nhiệm, khách quan và đạo đức trong quản lý truyền thông, tôn trọng quyền tiếp cận thông tin của công chúng, đồng thời sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi của môi trường truyền thông hiện đại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TRUYỀN THÔNG VÀ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

1.1. Các khái niệm truyền thông, Truyền thông đại chúng

1.1.1. Truyền thông và truyền thông liên cá nhân

1.1.2. Truyền thông đại chúng và định chế truyền thông đại chúng.

1.1.3. Các loại hình truyền thông

1.2. Nghiên cứu hai mô hình truyền thông đại chúng của Lasswell và Jakobson

1.2.1. Mô hình truyền thông đại chúng của Lasswell

1.2.2. Mô hình truyền thông đại chúng của Jakobson

1.3. Đám đông, Đại chúng và Công chúng

1.3.1. Các khái niệm cơ bản

1.3.2. 4 đặc trưng để nhận diện đại chúng

1.3.3. Phân biệt đại chúng với các khái niệm khác

1.3.4. Đại chúng và công chúng trong quá trình truyền thông đại chúng

1.4. Phương tiện truyền thông đại chúng

1.4.1. Các phương tiện truyền thông

1.4.2. Các phương tiện truyền thông đại chúng

1.5. Định chế truyền thông đại chúng

1.5.1. Định chế truyền thông đại chúng và các đặc điểm của định chế truyền thông đại chúng.

1.5.2. Mối quan hệ giữa định chế truyền thông đại chúng và các định chế xã hội khác (Văn hóa-Giáo dục, Kinh tế, Chính trị)

1.5.3. Vai trò, chức năng của định chế truyền thông đại chúng.

Tài liệu

1. Lê Thị Dung (2008), *Bài giảng hoạt động thông tin tuyên truyền tại cơ sở*, NXB Lao động xã hội.

2. Mai Thế Nhượng, Nguyễn Ngô Việt (2006), *Những vấn đề thiết yếu về Công nghệ viễn thông hiện đại*, Nhà xuất bản bưu điện.

3. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở*, NXB Hà Nội.

Chương 2: LỊCH SỬ VÀ CÁC LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

2.1. Lịch sử nghiên cứu truyền thông đại chúng

2.1.1. Giai đoạn 1 (Cuối thế kỷ 19)

2.1.2. Giai đoạn 2 (Đầu thế kỷ 20 - 1960)

2.1.3. Giai đoạn 3 (1960 - 1980)

2.1.4. Giai đoạn 4 (1980 - 2000)

2.1.5. Giai đoạn 5 (Đầu thế kỷ 21 - nay)

2.2. Các phương pháp nghiên cứu về truyền thông đại chúng

2.2.1. Lý thuyết mũi kim tiêm

2.2.2. Lý thuyết dòng chảy nhiều bước

2.2.3. Lý thuyết cấu trúc - chức năng

2.2.4. Lý thuyết phê phán truyền thông

2.2.5. Lý thuyết tất định luật truyền thông

2.2.6. Lý thuyết tất định luật văn hóa

2.2.7. Lý thuyết hậu hiện đại

Tài liệu

1. Lê Thị Dung (2008), *Bài giảng hoạt động thông tin tuyên truyền tại cơ sở*, NXB Lao động xã hội.
2. Mai Thế Nhượng, Nguyễn Ngô Việt (2006), *Những vấn đề thiết yếu về Công nghệ viễn thông hiện đại*, Nhà xuất bản bưu điện.
3. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở*, NXB Hà Nội.

Chương 3: TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

3.1. Văn hóa nhân văn truyền thống - Văn hóa đại chúng

3.1.1. Văn hóa nhân văn truyền thống

3.1.2. Khái quát về văn hóa truyền thống

3.1.3. Văn hóa đại chúng

3.1.4. Phương tiện truyền thông đại chúng và sự biến đổi văn hóa

3.1.5. Văn hóa thời đại số hóa

3.2. Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.2.1. Bản chất của toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.2.2. Các yếu tố điều kiện của toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.2.3. Hệ quả của quá trình toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.3. Tác động của Công nghệ thông tin đối với Truyền thông đại chúng

3.3.1. Vai trò của Công nghệ thông tin đối với Truyền thông đại chúng.

3.3.2. Các xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông đại chúng

3.3.3. Tác động của Internet và Truyền thông đa phương tiện đối với truyền thông đại chúng.

Tài liệu

1. Lê Thị Dung (2008), *Bài giảng hoạt động thông tin tuyên truyền tại cơ sở*, NXB Lao động xã hội.
2. Mai Thế Nhượng, Nguyễn Ngô Việt (2006), *Những vấn đề thiết yếu về Công nghệ viễn thông hiện đại*, Nhà xuất bản bưu điện.
3. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở*, NXB Hà Nội.

Chương 4: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

4.1 Nguyên tắc trong lãnh đạo, quản lý truyền thông đại chúng

4.1.1. Các nguyên tắc chung

4.1.2. Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về truyền thông đại chúng

4.1.3. Truyền thông đại chúng với sự phát triển con người Việt Nam

4.2. Quản lý nhà nước đối với hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng

4.2.1. Hệ thống quản lý nhà nước đối với các phương tiện truyền thông đại chúng

4.2.2. Hệ thống pháp luật về truyền thông đại chúng

4.2.3. Đạo đức nghề nghiệp

Tài liệu

1. Lê Thị Dung (2008), *Bài giảng hoạt động thông tin tuyên truyền tại cơ sở*, NXB Lao động xã hội.
2. Mai Thế Nhượng, Nguyễn Ngô Việt (2006), *Những vấn đề thiết yếu về Công nghệ viễn thông hiện đại*, Nhà xuất bản bưu điện.
3. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở*, NXB Hà Nội

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc

1. Lê Thị Dung (2008), *Bài giảng hoạt động thông tin tuyên truyền tại cơ sở*, NXB Lao động xã hội.
2. Mai Thế Nhượng, Nguyễn Ngô Việt (2006), *Những vấn đề thiết yếu về Công nghệ viễn thông hiện đại*, Nhà xuất bản bưu điện.

5.2.Tài liệu tham khảo

Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở*, NXB Hà Nội.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chương 1	4	4	16
Chuyên đề 2	4	4	16
Chuyên đề 3	3	3	12
Chuyên đề 4	4	4	16
Tổng cộng	15	15	60

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

+ Điểm chuyên cần, thái độ : 10%

+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%

+ Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%

- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Đoàn Văn Trường

9.14 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Hà Đình Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 36, Mạc Thị Bưởi, P. Bắc Sơn, Tp Sầm Sơn, Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912501982
- Email: hadinhhung.vhh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+ Họ và tên: **Nguyễn Thị Lan Hương**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL Thanh Hóa
- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0913 591 266
- Email: lanhuong@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Di sản văn hóa

+ Lễ hội truyền thống

+ Quản lý thiết chế văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Quản lý các thiết chế văn hóa
(Management of cultural institutions)

- **Mã học phần:** QVQL 514

- **Số tín chỉ:** 03 (2,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 2

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Bắt buộc

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 30 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức

- Cung cấp cho học viên hệ thống và khối lượng kiến thức về chính sách, pháp luật, pháp lệnh về lĩnh vực quản lý thiết chế Văn hóa để người học hình thành tư duy logic, khoa học trong xử lý và giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý.

- Học phần cũng nhằm mục tiêu làm rõ các vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn để người học quản lý các thiết chế Văn hóa theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, những quy định của pháp luật.

3.2. Kỹ năng

- Giúp học viên có những kỹ năng, bản lĩnh vững vàng, có quan điểm khoa học trong quản lý, tổ chức hoạt động của các thiết chế Văn hóa để tự tin, đủ khả năng làm việc cá nhân hay nhóm sau khi ra trường tại các cơ sở văn hóa trong và ngoài nước.

- Rèn luyện kỹ năng đọc, xử lý văn bản, kỹ năng tổ chức và điều hành, kỹ năng tham mưu, tư vấn; kỹ năng ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý các thiết chế Văn hóa.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp, tổ chức các hoạt động, sự kiện tại các thiết chế Văn hóa.

- Kỹ năng nhận thức vấn đề quản lý chung các lĩnh vực Văn hóa

- Kỹ năng điều hành, tổ chức hoạt động trong các thiết chế Văn hóa

- Kỹ năng tham mưu, tư vấn công tác quản lý các thiết chế Văn hóa

- Kỹ năng xử lý, phân tích các văn bản, quy định pháp luật trong công tác quản lý các thiết chế Văn hóa

3.3. Thái độ Học viên có tinh thần trách nhiệm, chủ động và sáng tạo trong quản lý các thiết chế văn hóa, tôn trọng giá trị văn hóa cộng đồng, đồng thời có ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa trong quá trình phát triển.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHOA HỌC QUẢN LÝ VÀ THIẾT CHẾ VĂN HÓA

1.1. Khoa học quản lý

1.1.1. Định nghĩa, đặc điểm, quy luật

1.1.2. Văn hóa của tổ chức và môi trường

1.1.3. Các chức năng của quản lý

1.1.4. Các nguyên tắc và phương pháp của quản lý

1.2. Thiết chế văn hóa

1.2.1. Hoạt động văn hóa

1.2.2. Mạng lưới sản xuất, bảo quản và phân phối sản phẩm văn hóa

- Các công đoạn	} Sơ đồ chi tiết riêng
- Loại hình thiết chế	
- Chức năng	

1.2.3. Những nguyên tắc hoạt động của các thiết chế văn hóa ở nước ta hiện nay

- Nguyên tắc tính hợp hiến

- Nguyên tắc tính nhân dân

Tài liệu

1. Cục Di sản văn hóa-Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng chứng tích chiến tranh (2007), *Một số vấn đề về công tác kiểm kê hiện vật bảo tàng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – thực tiễn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trần Thị Minh Đức (Chủ biên) (2007), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia.
3. Vương Hoàng Quân (chủ biên) (2008), *Cơ sở bảo tàng học Trung Quốc*, Nxb Thế giới.

Chương 2: QUẢN LÝ BẢO TÀNG

2.1. Định nghĩa và lịch sử hình thành Bảo tàng

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Lịch sử hình thành Bảo tàng

2.2. Chức năng và đặc trưng của Bảo tàng

2.2.1. Chức năng của Bảo tàng

2.2.2. Đặc trưng của Bảo tàng

2.3. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc quản lý Bảo tàng

2.3.1. Khái niệm quản lý Bảo tàng

2.3.2. Đặc điểm của Bảo tàng

2.3.3. Nguyên tắc quản lý Bảo tàng

2.4. Nội dung quản lý Bảo tàng

2.4.1. Mục tiêu và động lực

2.4.2. Cơ cấu tổ chức

2.4.3. Quản lý nhân sự

2.4.4. Quản lý tài chính

2.5. Pháp chế Bảo tàng

2.5.1. Quá trình hình thành những văn bản pháp luật và bộ máy quản lý di sản văn hóa nước ta.

2.5.2. Nội dung cơ bản của Luật Di sản Văn hóa và những quy định về Bảo tàng

2.6. Marketing Bảo tàng

2.6.1. Khái niệm marketing Văn hóa Nghệ thuật

2.6.2. Phạm vi và quy trình của marketing Bảo tàng

2.6.3. Thị trường đặc thù sản phẩm văn hóa và sản phẩm Bảo tàng

2.6.4. Nghiên cứu thị trường

2.6.5. Nhu cầu và khách tham quan Bảo tàng

Tài liệu

1. Cục Di sản văn hóa-Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng chứng tích chiến tranh (2007), *Một số vấn đề về công tác kiểm kê hiện vật bảo tàng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – thực tiễn, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cục Di sản văn hóa-Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng chứng tích chiến tranh (2007), *Một số vấn đề về công tác kiểm kê hiện vật bảo tàng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – thực tiễn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: QUẢN LÝ THƯ VIỆN

3.1. Định nghĩa và lịch sử hình thành Thư viện

3.1.1. Định nghĩa thư viện

3.1.2. Lịch sử hình thành Thư viện

3.2. Chức năng và đặc trưng của Thư viện

3.2.1. Chức năng của Thư viện

3.2.2. Đặc trưng của Thư viện

3.3. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc quản lý Thư viện

3.3.1. Khái niệm quản lý Thư viện

3.3.2. Đặc điểm của quản lý Thư viện

3.3.3. Nguyên tắc quản lý Thư viện

3.4. Nội dung quản lý Thư viện

3.4.1. Mục tiêu và động lực

3.4.2. Cơ cấu tổ chức

3.4.3. Quản lý nhân sự

3.4.4. Quản lý tài chính

3.5. Pháp chế Thư viện: Nội dung cơ bản của pháp luật về Thư viện (1984)

3.6. Marketing Thư viện

3.6.1. Phạm vi và quy trình của marketing Thư viện

3.6.2. Thị trường đặc thù sản phẩm văn hóa và sản phẩm Thư viện

3.6.3. Nghiên cứu thị trường

3.6.4. Nhu cầu và độc giả của Thư viện

***Tài liệu**

1. Nguyễn Thị Thục (Chủ biên) (2016), *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa thời kỳ đổi mới*, Nxb Thanh Hóa
2. Nguyễn Văn Hy (1998), *Quản lý hoạt động văn hóa*.
3. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa –Thông tin cơ sở*.
4. Nhã Long (2001), *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*.

Chương 4: QUẢN LÝ NHÀ VĂN HÓA

4.1. Định nghĩa và lịch sử hình thành Nhà Văn hóa

4.1.1. Định nghĩa Nhà Văn hóa

4.1.2. Lịch sử hình thành Nhà Văn hóa

4.2. Chức năng và đặc trưng của Nhà văn hóa

4.2.1. Chức năng Nhà Văn hóa

4.2.2. Đặc trưng của Nhà Văn hóa

4.3. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc quản lý Nhà văn hóa

4.3.1. Khái niệm quản lý Nhà Văn hóa

4.3.2. Đặc điểm quản lý Nhà Văn hóa

4.3.3. Nguyên tắc quản lý Nhà Văn hóa

4.4. Nội dung Quản lý Nhà Văn hóa

4.4.1. Mục tiêu và động lực

4.4.2. Cơ cấu tổ chức

4.4.3. Quản lý nhân sự

4.4.4. Quản lý tài chính

4.5. Pháp chế Nhà văn hóa

4.6. Marketing Nhà văn hóa

4.6.1. Phạm vi và quy trình của marketing Nhà văn hóa

4.6.2. Thị trường đặc thù sản phẩm văn hóa và sản phẩm Nhà văn hóa

4.6.3. Nghiên cứu thị trường

4.6.4. Nhu cầu và khán thính giả

Tài liệu

1. Khoa Quản lý Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1999), *Tập đề cương bài giảng Khoa học Quản lý*, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Thục (Chủ biên) (2016), *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa thời kỳ đổi mới*, Nxb Thanh Hóa.
3. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở*
4. Hoàng Sơn Cường (1998), *Lược sử Quản lý Văn hóa ở Việt Nam*.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Cục Di sản văn hóa-Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng chứng tích chiến tranh (2007), *Một số vấn đề về công tác kiểm kê hiện vật bảo tàng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – thực tiễn, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cục Di sản văn hóa-Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng chứng tích chiến tranh (2007), *Một số vấn đề về công tác kiểm kê hiện vật bảo tàng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – thực tiễn, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Khoa Quản lý Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1999), *Tập đề cương bài giảng Khoa học Quản lý*, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Thục (Chủ biên) (2016), *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa thời kỳ đổi mới*, Nxb Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở*
2. Hoàng Sơn Cường (1998), *Lược sử Quản lý Văn hóa ở Việt Nam*

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	10	0	20
Chuyên đề 2	7	5	20
Chuyên đề 3	7	5	20
Chuyên đề 4	6	5	30
Tổng	30	15	90

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Hà Đình Hùng

9.15 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

+ Họ và tên: **Lê Thị Thảo**

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

- Địa chỉ liên hệ: 110 Tây Ga, phường Phú Sơn, TP. Thanh Hóa

- Điện thoại: 0933868919

- Email: lethaocvh@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lịch sử, văn hóa Việt Nam

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+ Họ và tên: **Lê Ngọc Tòng**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng

- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 0985 121 271

- Email: lengoctong@huc.edu.vn

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Phát triển công chung

+ Marketing văn hóa nghệ thuật

+ Thị trường văn hóa...

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- *Tên học phần:* Quản lý thị trường văn hóa
(Cultural market management)

- *Mã học phần:* QVQL 515

- *Số tín chỉ:* 03 (2,1)

- *Học kỳ thực hiện:* 3

- *Học phần kế tiếp:* Không

- *Loại học phần:* Bắt buộc

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Phân bố thời gian:*

Giảng lý thuyết: 30 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường, thị trường văn hóa; quản lý thị trường văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Định hướng được những yếu tố tác động và xu thế phát triển của thị trường văn hóa trong tương lai.

3.2.Kỹ năng Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các hoạt động liên quan đến việc quản lý thị trường văn hóa.

3.3.Thái độ Học viên có thái độ trách nhiệm, nhạy bén và linh hoạt trong quản lý thị trường văn hóa, tôn trọng bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời có tinh thần đổi mới, sáng tạo để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA

1.1.Những vấn đề cơ bản về thị trường văn hóa

1.1.1.Sản phẩm văn hóa

1.1.1.1.Khái niệm

1.1.1.2.Phân loại sản phẩm văn hóa

1.1.1.3.Đặc trưng của sản phẩm văn hóa

1.1.2.Hàng hóa văn hóa

1.1.2.1.Khái niệm

1.1.2.2.Đặc trưng của hàng hóa văn hóa

1.1.3.Thị trường văn hóa

1.1.3.1.Thị trường

1.1.3.2.Thị trường văn hóa

1.1.3.3.Đặc trưng thị trường văn hóa

1.1.3.4.Những yếu tố tác động đến thị trường văn hóa

1.1.4.Thương mại hóa sản phẩm văn hóa

1.1.4.1. Bản chất của thương mại hóa sản phẩm văn hóa

1.1.4.2. Tính tất yếu của thương mại hóa sản phẩm văn hóa

1.1.4.3. Phân loại sản phẩm văn hóa theo mức độ thương mại hóa sản phẩm văn hóa

1.1.5.Dự báo xu hướng phát triển thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập

1.1.5.1.Xu hướng tích cực

1.1.5.2.Xu hướng tiêu cực

1.2.Quản lý thị trường văn hóa

1.2.1.Khái niệm

1.2.2.Chủ thể và đối tượng

1.2.3.Mục tiêu quản lý thị trường văn hóa

1.2.4.Phương pháp quản lý thị trường văn hóa

Tài liệu

1. PGS.TS. Lê Ngọc Tòng (2004), *Một số nghiên cứu bước đầu về Kinh tế học văn hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.46-51.
2. PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính, tr. 55-60.

Chương 2: NỘI DUNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA

2.1.Chính sách kinh tế trong văn hóa

- 2.1.1 Khái niệm chính sách kinh tế trong văn hóa
- 2.1.2. Chính sách đầu tư cho phát triển văn hóa
- 2.1.3. Chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển văn hóa
- 2.1.4. Chính sách chuyển các đơn vị sự nghiệp văn hóa sang cơ chế thị trường
- 2.1.5 Chính sách đa dạng hóa các loại hình hoạt động kinh doanh

2.2.Cơ chế quản lý kinh tế đối với các hoạt động văn hóa

- 2.2.1. Khái niệm cơ chế quản lý kinh tế trong văn hóa
- 2.2.2. Nội dung cơ chế quản lý kinh tế trong văn hóa
 - 2.2.2.1 Định hướng thị trường văn hóa
 - 2.2.2.2 Giám sát thị trường văn hóa
 - 2.2.2.3 Hỗ trợ sự phát triển thị trường văn hóa
 - 2.2.2.4 Đánh giá nội dung và chất lượng hàng hóa văn hóa
 - 2.2.2.5. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

2.3.Các biện pháp đổi mới trong quản lý thị trường văn hóa

- 2.3.1.Tăng cường tầm kiểm soát vĩ mô của Nhà nước về lĩnh vực văn hóa và chuyển biến phương thức quản lý văn hóa.
- 2.3.2.Mở cửa đi đôi với bảo vệ và phát triển văn hóa .
- 2.3.3. Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu tuệ.

Tài liệu

1. PGS.TS.Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), *Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy (2009), *Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 3: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA

3.1.Khái niệm tổ chức

3.2.Các tổ chức tham gia quản lý kinh tế trong lĩnh vực văn hóa

- 3.2.1. Các đơn vị hành chính
- 3.2.2. Các tổ chức chính trị - xã hội
- 3.2.3. Các đơn vị sự nghiệp và sự nghiệp có thu
- 3.2.4. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa văn hóa

3.3.Nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa

- 3.3.1. Các yếu tố cơ bản trong sản xuất sáng tạo sản phẩm văn hóa
- 3.3.2. Sự kết hợp hài hòa các yếu tố đầu vào cho sản xuất sản phẩm văn hóa
- 3.3.3. Marketing văn hóa

Tài liệu

1. Phạm Bích Huyền, Phạm Hoài Thu (2009), *Giáo trình các ngành công nghiệp văn hóa*, Nxb.Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Huỳnh Khái Vinh (1996), *Văn hóa văn nghệ vì sự phát triển xã hội*, Nxb Văn học.

Khoa Quản lý Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1999), *Tập đề cương bài giảng Khoa học Quản lý*, Hà Nội.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), *Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy (2009), *Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính.
2. Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Chính sách xã hội*, Nxb Lao động- Xã hội.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	13	02	30
Chuyên đề 2	13	02	30
Chuyên đề 3	04	11	30
Tổng cộng	30	15	90

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi tự luận hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN SOẠN



9.16 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH VĂN HÓA_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Thục**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0969.44.33.88
- Email: bichthuc.dvtdt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Quản lý nguồn lực văn hóa
 - + Di sản văn hóa
 - + Chính sách văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Nguyễn Văn Tình**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
 - Địa chỉ liên hệ: Thành phố Thanh Hóa
 - Điện thoại: 0904.216.888
 - Email: nvtinh@yahoo.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Quản lý nguồn lực văn hóa
 - + Di sản văn hóa
 - + Chính sách văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Phát triển chính sách văn hóa
(Development of cultural policy)

- **Mã học phần:** QVPT 516

- **Số tín chỉ:** 03 (2,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 3

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Bắt buộc

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 30 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Nắm vững những kiến thức cơ bản về nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa; các mô hình quản lý văn hóa tiêu biểu hiện nay trên thế giới; Những nội dung cơ bản của chính sách văn hóa và những khuynh hướng nổi bật trong xây dựng chính sách văn hóa hiện nay; Vấn đề hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam. Từ đó học viên có được những kiến thức nền tảng quan trọng cho việc thực thi các nhiệm vụ công tác sau khi hoàn thành chương trình học tập.

3.2. Kỹ năng: Học phần cung cấp cho học viên những kỹ năng cơ bản trong việc phân tích chính sách văn hóa và quá trình vận hành chính sách văn hóa trong thực tiễn.

3.3.Thái độ Học viên có tinh thần trách nhiệm, tư duy khách quan và sáng tạo trong xây dựng, thực thi chính sách văn hóa, tôn trọng đa dạng văn hóa và cam kết bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trong quá trình phát triển xã hội.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH VĂN HÓA

1.1.Một số khái niệm

1.1.1.Khái niệm văn hóa

1.1.2.Khái niệm quản lý văn hóa

1.1.3. Khái niệm chính sách văn hóa

1.1.4. Khái niệm hoàn thiện chính sách văn hóa

1.1.5. Khái niệm phát triển

1.2.Nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa của các nước và Việt Nam

1.2.1. Nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới.

1.2.2. Nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa Việt Nam

1.3.Một số quan điểm về chính sách văn hóa trên thế giới hiện nay

- 1.3.1. Quan điểm gắn văn hóa với hệ tư tưởng, chính trị
- 1.3.2. Quan điểm dân tộc về văn hóa: Văn hóa thể hiện đặc trưng dân tộc
- 1.3.3. Quan điểm kinh tế: Sản phẩm văn hóa là một loại hàng hóa

Tài liệu

1. Lê Ngọc Tông (2004), *Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Chính sách xã hội*, Nxb Lao động- Xã hội.

Chương 2: KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VĂN HÓA CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Một số mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

- 2.1.1. Mô hình “Phúc lợi nhà nước”
- 2.1.2. Mô hình “Kế hoạch hóa tập trung”
- 2.1.3. Mô hình quản lý văn hóa gián tiếp “Cánh tay nối dài”
- 2.1.4. Mô hình Mỹ
- 2.1.5. Mô hình Trung Quốc
- 2.1.6. Mô hình Hàn Quốc

2.2. Nội dung cơ bản của chính sách văn hóa quốc gia trên thế giới hiện nay

- 2.2.1. Những lĩnh vực mang tính truyền thống trong chính sách văn hóa
- 2.2.2. Những lĩnh vực mới trong chính sách văn hóa quốc gia hiện nay
- 2.2.3. Dân chủ hóa văn hóa và Dân chủ văn hóa-hai thành tố chiến lược trong xây dựng chính sách văn hóa.

2.3. Phương pháp, kinh nghiệm xây dựng chính sách văn hóa của các nước trên thế giới

- 2.3.1. Phương pháp và kinh nghiệm xây dựng chính sách văn hóa
- 2.3.2. Khuynh hướng trong công tác nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa trên thế giới hiện nay.
- 2.3.3. Một số mô hình xây dựng và thực hiện chính sách văn hóa trên thế giới,
- 2.3.4. Mô hình khung giới thiệu chính sách văn hóa quốc gia.

Tài liệu

1. Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh (2012), *Chính sách văn hóa*, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. VHTT.
3. *Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai*. UNESCO. Website:<http://portal.unesco.org/culture/en/ev>.

Chương 3: HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

3.1. Cơ sở xây dựng và hoàn thiện chính sách văn hóa

3.1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa

3.1.2. Thực trạng phát triển văn hóa hiện nay

3.2. Nội dung hoàn thiện, phát triển chính sách văn hóa

3.2.1. Những vấn đề chung

3.2.2. Nội dung hoàn thiện, phát triển chính sách văn hóa

3.3. Những giải pháp hoàn thiện, phát triển chính sách văn hóa

3.3.1. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước

3.3.2. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa

3.3.3. Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ hoạch định chính sách

3.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng và thực hiện chính sách văn hóa

Tài liệu

1. Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh (2012), *Chính sách văn hóa*, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Chính sách xã hội*, Nxb Lao động- Xã hội.
4. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. VHTT.
5. *Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai*. UNESCO. Website:<http://portal.unesco.org/culture/en/ev>.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh (2012), *Chính sách văn hóa*, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (9/2011), *Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao đẳng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020 (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Hà Nội.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (8/2011), *Đề án xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (Hội nghị lần thứ ba, tư, năm, sáu, bảy và chín)*, Nxb Chính trị quốc gia.
5. Huỳnh Khái Vinh (1996), *Văn hóa văn nghệ vì sự phát triển xã hội*, Nxb Văn học.
6. Lê Ngọc Tòng (2004), *Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia.
7. Lê Thị Lê (2016), *Sự phát triển các khu công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Tạo (2011), *Di sản văn hóa – Nguồn lực đặc biệt cho phát triển du lịch Thanh Hóa*, Nxb Thế giới.
2. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Nguyễn Văn Lưu (2014), *Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam*, Nxb Thông tấn.
4. Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Chính sách xã hội*, Nxb Lao động- Xã hội.
5. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. VH TT.
6. *Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai*. UNESCO. Website:<http://portal.unesco.org/culture/en/ev>.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	10	5	30
Chuyên đề 2	10	5	30
Chuyên đề 3	10	5	30
Tổng cộng	30	15	90

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN SOẠN





TS. Lê Thị Thảo

TS. Lê Thị Thảo

TS. Nguyễn Thị Thục

9.17 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC VĂN HÓA_ 2TC (1,1)

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Thục**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0969.44.33.88
- Email: bichthuc.dvtdt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Quản lý nguồn lực văn hóa
- + Chính sách văn hóa
- + Di sản Văn hóa

1.2. Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Hà Nội
- Điện thoại: 0983043493
- Email: nguyenlanhuongvicas@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Thiết chế, Quản lý thiết chế văn hóa

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên ngành:

- **Tên học phần:** Phát triển nguồn lực văn hóa
(Culture resource development)
- **Mã học phần:** QVPT 517
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 3
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Bắt buộc
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**
 - Giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức: Giúp người học hiểu sâu sắc hơn về bản chất của các hoạt động văn hóa, vai trò các hoạt động đối với sự phát triển văn hóa nói riêng và xã hội nói chung, trong đó

các nguồn lực chính là yếu tố quan trọng, không thể thiếu, mang tính quyết định đến chất lượng các hoạt động văn hóa.

3.2. Kỹ năng:

- Học viên sử dụng các kiến thức được học để quản lý các nguồn lực trong hoạt động văn hóa.

- Xây dựng thái độ tôn trọng, có trách nhiệm sử dụng nguồn lực văn hóa trong công tác quản lý văn hóa.

3.3.Thái độ: Học viên có tinh thần trách nhiệm, chủ động và sáng tạo trong phát triển nguồn lực văn hóa, tôn trọng giá trị văn hóa cộng đồng, đồng thời có ý thức bảo tồn và khai thác hiệu quả nguồn lực văn hóa phục vụ phát triển bền vững.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN LỰC VĂN HÓA

1.1. Một số quan điểm khoa học về nguồn lực văn hóa

1.1.1. Khái niệm nguồn lực

1.1.2. Khái niệm nguồn lực văn hóa

1.2. Đặc điểm và vai trò của nguồn lực văn hóa

1.2.1. Đặc điểm của nguồn lực văn hóa

1.2.2. Vai trò của nguồn lực văn hóa

1.4. Các nguồn lực văn hóa

1.4.1. Nguồn nhân lực

1.4.2. Hệ thống cơ sở vật chất

1.4.3. Hệ thống chính sách

1.4.4. Các nguồn lực khác

Tài liệu

1. Nguyễn Văn Lưu (2014), *Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam*, Nxb Thông tấn.
2. Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Chính sách xã hội*, Nxb Lao động- Xã hội.
3. *Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai*. UNESCO. Website:<http://portal.unesco.org/culture/en/ev>.

Chương 2: PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN NAY

2.1. Kinh nghiệm phát triển nguồn lực văn hóa tại một số quốc gia trên thế giới

2.1.1. Kinh nghiệm của một số nước phương Tây

2.1.2. Kinh nghiệm của một số nước phương Đông

2.2. Phương pháp xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực văn hóa

2.2.1. Lập chiến lược nguồn nhân lực

2.2.2. Tuyển chọn và sử dụng nguồn nhân lực

2.2.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

2.3. Phương pháp xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất

2.3.1. Hệ thống thiết chế văn hóa

2.3.2. Hệ thống cơ sở vật chất và một số trang thiết bị khác

2.4. Phương pháp xây dựng cơ chế chính sách nhằm xã hội hóa nguồn lực văn hóa

2.4.1. Định hướng công tác xã hội hóa của Đảng và Nhà nước

2.4.2. Phương pháp xã hội hóa các nguồn lực văn hóa

Tài liệu

1. Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng (2009), *Giáo trình Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật*, Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. VHTT.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh (2012), *Chính sách văn hóa*, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (9/2011), *Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao đẳng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020 (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Hà Nội.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (8/2011), *Đề án xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (Hội nghị lần thứ ba, tư, năm, sáu, bảy và chín)*, Nxb Chính trị quốc gia.
5. Huỳnh Khái Vinh (1996), *Văn hóa văn nghệ vì sự phát triển xã hội*, Nxb Văn học.
6. Lê Ngọc Tòng (2004), *Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia.

5.2.Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Tạo (2011), *Di sản văn hóa – Nguồn lực đặc biệt cho phát triển du lịch Thanh Hóa*, Nxb Thế giới.
2. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Nguyễn Văn Lưu (2014), *Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam*, Nxb Thông tấn.
4. Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Chính sách xã hội*, Nxb Lao động- Xã hội.
5. *Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai*. UNESCO. Website:<http://portal.unesco.org/culture/en/ev>.
6. Văn Lưu (2014), *Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam*, Nxb Thông tấn.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	7	8	30
Chuyên đề 2	8	7	30
Tổng cộng	15	15	30

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận): 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN SOẠN

TS. Lê Thị Thảo

TS. Lê Thị Thảo

TS. Nguyễn Thị Thục

9.18 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM SÔNG HỒNG_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Lê Thị Thảo**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Phố Tây Ga, P.Phú Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0933 868 919
- Email: lethaocvh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Di sản Văn hóa
 - + Làng xã Việt Nam...

1.2. Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+Họ và tên: Phạm Văn Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: phường Phú Sơn, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0933868919
- Email: phamtuancvh@gmail
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Lịch sử
- + Văn hóa Việt Nam

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên ngành:

- **Tên học phần:** Quản lý Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng
(Management of cultural heritages in the North Central and the South of Red Rive)
- **Mã học phần:** QVQL 518
- **Số tín chỉ:** 03 (2,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 3
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Bắt buộc
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**
 - Giảng lý thuyết:* 30 tiết
 - Thảo luận, bài tập:* 15 tiết
 - Thực hành, thực tập:* 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu:* 90 tiết

2.2. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức: Giúp học viên nắm vững kiến thức về các vấn đề:

- Đặc trưng của Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng
- Phân loại Di sản Văn hóa
- Hệ thống Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng
- Vấn đề quản lý Nhà nước về Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng.
- Nghiệp vụ quản lý Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng

3.2. Kỹ năng:

- Hình thành những kỹ năng quản lý nhà nước và các nghiệp vụ khảo sát, kiểm kê, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản Văn hóa.
- Nâng lên niềm tự hào, trách nhiệm với hệ thống Di sản Văn hóa của vùng.

3.3. Thái độ: Học viên có tinh thần trách nhiệm và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng, tôn trọng sự đa dạng văn hóa, đồng thời có tư duy sáng tạo trong quản lý và phát triển di sản bền vững.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DI SẢN VĂN HÓA VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM SÔNG HỒNG

1.1. Khái niệm và đặc trưng của Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng

1.1.1. Khái niệm về Di sản Văn hóa

1.1.2. Đặc trưng của Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng

1.2. Phân loại Di sản Văn hóa

1.2.1. Phân loại theo khả năng thỏa mãn nhu cầu hay theo mục đích sử dụng của Di sản Văn hóa.

1.2.2. Phân loại Di sản Văn hóa theo lĩnh vực hoạt động của con người.

1.2.3. Phân loại theo hình thái biểu hiện của Di sản Văn hóa

1.3. Vai trò của Di sản Văn hóa trong phát triển kinh tế-xã hội của vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng

1.3.1. Di sản Văn hóa là tài sản quốc gia/ vùng, là nguồn lực phát triển

1.3.2. Di sản Văn hóa là linh hồn gắn kết dân tộc/ vùng miền

1.3.3. Di sản Văn hóa góp phần vào việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc/ vùng trong thời kỳ hội nhập.

1.3.4. Di sản Văn hóa với quá trình phát triển nông thôn và đô thị hóa của vùng

1.3.5. Di sản Văn hóa và việc hình thành giá trị mới.

Tài liệu

1. (2005), *Luật Di sản Văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Cục Di sản văn Hóa (2012), *Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động bảo tàng*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
3. Cục Di sản văn hóa (2007), *Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể (tập 1)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

Chương 2: HỆ THỐNG CÁC DI SẢN VĂN HÓA VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM SÔNG HỒNG

1.1. Đặc điểm chung của hệ thống Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng.

1.1.1. Là nền văn minh lúa nước, chủ thể sáng tạo văn hóa chủ yếu trong lịch sử văn hóa của vùng là nông dân và các nhà Nho.

1.1.2. Môi trường sáng tạo, bảo tồn, lưu giữ và phát huy các Di sản Văn hóa chủ yếu là làng, xã.

1.1.3. Di sản Văn hóa chịu tác động sâu sắc của nền văn hóa nông nghiệp và môi trường làng xã khép kín và các dòng sông.

1.1.4. Tỷ lệ Di sản Văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan mang dấu ấn đậm nét trong đến quá trình dựng nước, giữ nước và in dấu các tôn giáo tín ngưỡng rất cao.

1.2. Di sản Văn hóa vật thể

1.2.1. Các di tích lịch sử-văn hóa và di chỉ khảo cổ

- 1.2.2. Danh thắng
- 1.2.3. Các di vật, cổ vật, bảo vật
- 1.3. Di sản Văn hóa phi vật thể**
 - 1.3.1. Văn học dân gian
 - 1.3.2. Lễ hội truyền thống
 - 1.3.3. Nghệ thuật diễn xướng dân gian
 - 1.3.4. Tôn giáo, tín ngưỡng
 - 1.3.5. Làng nghề thủ công truyền thống
 - 1.3.6. Ẩm thực và Tri thức dân gian
- 1.4. Nghệ nhân dân gian, danh nhân**
 - 1.4.1. Nghệ nhân dân gian
 - 1.4.2. Danh nhân

Tài liệu

1. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa Thông tin.
2. Lê Hồng Lý (chủ biên) (2010), *Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thục (2016), *Di sản văn hóa vùng Hàm Rồng ở Thanh Hóa*, Nxb Khoa học Xã hội.
4. Nguyễn Thị Kim Loan (Chủ biên) (2014), *Quản lý Di sản Văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa

Chương 3: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DI SẢN VĂN HÓA VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM SÔNG HỒNG

3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quản lý Di sản Văn hóa

- 3.1.1. Đảng lãnh đạo, Nhà nước thống nhất quản lý sự nghiệp văn hóa
- 3.1.2. Đảm bảo dân chủ, tự do sáng tạo và hoạt động văn hóa, vun đắp tài năng, đề cao trách nhiệm cá nhân.
- 3.1.3. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 3.1.4. Văn hóa Việt Nam là nền văn hóa đa dạng và thống nhất giữa các vùng, các dân tộc.
- 3.1.5. Tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.
- 3.1.6. Nâng cao sức đề kháng của văn hóa
- 3.1.7. Văn hóa là sự nghiệp của toàn dân

3.2. Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước và các nghiệp vụ trong quản lý Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng.

- 3.2.1. Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về Di sản Văn hóa
 - a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chính sách phát triển sự nghiệp và bảo vệ, phát huy giá trị Di sản Văn hóa.
 - b) Tổ chức thực thi pháp luật về bảo tồn phát huy giá trị Di sản Văn hóa.
 - c) Tổ chức bộ máy quản lý Di sản Văn hóa.
 - d) Đầu tư cho bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị của Di sản Văn hóa.

3.2.2. Nghiệp vụ Quản lý Di sản Văn hóa

a) Khảo sát, kiểm kê Di sản Văn hóa

b) Tổ chức bảo vệ và bảo tồn Di sản Văn hóa

c) Tổ chức khai thác và phát huy giá trị của Di sản Văn hóa

3.3. Những yêu cầu và nhiệm vụ của cán bộ quản lý Di sản Văn hóa

3.3.1. Yêu cầu

3.3.2. Nhiệm vụ

Tài liệu

1. (2005), *Luật Di sản Văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Cục Di sản văn Hóa (2012), *Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động bảo tàng*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
3. Lê Hồng Lý (chủ biên) (2010), *Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Kim Loan (Chủ biên) (2014), *Quản lý Di sản Văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. (2004), *Đại việt sử ký toàn thư* (tập 1, 2), Nxb Văn hóa Thông tin.
2. (2005), *Luật Di sản Văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Chính trị Quốc gia.
3. Cục Di sản văn Hóa (2012), *Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động bảo tàng*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
4. Lê Hồng Lý (chủ biên) (2010), *Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Thục (2016), *Di sản văn hóa vùng Hàm Rồng ở Thanh Hóa*, Nxb Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Thị Kim Loan (Chủ biên) (2014), *Quản lý Di sản Văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Cục Di sản văn hóa (2006), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Cục Di sản Văn hóa (2008), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa* (tập 4), Nxb Thế giới.
3. Cục Di sản văn hóa (2007), *Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể* (tập 1), Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Cục Di sản văn hóa (2012), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa* (tập 6), Nxb Xây dựng.
5. Cục Di sản văn hóa (2014), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa* (tập 7), Nxb Thế giới, Hà Nội.

6. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa Thông tin.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	10	5	30
Chuyên đề 2	10	5	30
Chuyên đề 3	10	5	30
Tổng cộng	30	15	90

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận) 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Lê Thị Thảo

9.19 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

+ Họ và tên: **Lê Văn Tạo**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, NGND, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

-Địa chỉ liên hệ: 08, Dã Tượng, P.Đông Sơn. Thành phố Thanh Hóa

- Điện thoại: 0912 008 428

- Email: levantaoth@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Nghệ thuật kiến trúc và chạm khắc;

+ Di sản văn hóa...

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Trần Việt Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

- Địa chỉ liên hệ: 206, Đường 5, phố Đông Phát 1, P.Đông Vệ. TP. Thanh Hóa

- Điện thoại: 090.424.0125

- Email: tranviet.anh125@gmail.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lý luận và Lịch sử mỹ thuật Việt Nam

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Nghệ thuật truyền thống Việt Nam
(Vietnamese traditional art)

- **Mã học phần:** QVNT 519

- **Số tín chỉ:** 2 (1,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 3

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Tự chọn

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Nhận thức căn bản về một số loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu Việt Nam. Hiểu biết được khái quát của diễn trình, đặc trưng thẩm mỹ, giá trị văn hóa xã hội của mỗi loại hình.

3.2. Kỹ năng: Có khả năng nghiên cứu, đánh giá giá trị của mỗi loại hình nghệ thuật truyền thống để giữ gìn và phát huy trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

3.3. Thái độ: Học viên trân trọng và tự hào về nghệ thuật truyền thống Việt Nam, có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị nghệ thuật dân tộc, đồng thời cởi mở tiếp thu những sáng tạo mới trong bối cảnh hiện đại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: MỸ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

1.1. Kiến trúc truyền thống Việt Nam

1.1.1. Kiến trúc Đô thị cổ Việt Nam

1.1.2. Kiến trúc dân gian Việt Nam

1.2. Điêu khắc và hội họa truyền thống Việt Nam

1.2.1. Điêu khắc và kiến trúc

1.2.2. Điêu khắc và hội họa Phật giáo Việt Nam

1.2.3. Điêu khắc và hội họa dân gian Việt Nam

1.3. Mỹ thuật Chăm Pa, Tây Nguyên

1.3.1. Mỹ thuật Chăm pa

1.3.2. Mỹ thuật Tây Nguyên

Tài liệu

1. (2005), *Lịch sử một thế kỷ nghiên cứu Viện Viễn đông bác cổ Pháp tại Việt Nam*, Nxb Tri thức.
2. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa Thông tin.
4. Trần Lâm Biền (2008), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng*, Nxb VHTT.

Chương 2: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

2.1. Nghệ thuật Biểu diễn cổ truyền vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng

2.2.1. Nghệ thuật hát - diễn dân ca Bắc Ninh và một số làn điệu dân ca Bắc Bộ tiêu biểu

2.2.2. Nghệ thuật hát - diễn cửa Đình ở Bắc Bộ Việt Nam

2.2.3. Nghệ thuật Chèo vùng Bắc Bộ Việt Nam

2.2. Nghệ thuật biểu diễn cổ truyền vùng Trung Bộ Việt Nam

2.2.1. Nghệ thuật đàn - ca cung đình Huế

2.2.2. Nghệ thuật Tuồng Bình Định

2.2.3. Một số làn điệu dân ca tiêu biểu vùng Trung Bộ

2.3. Nghệ thuật biểu diễn Nam Bộ

2.3.1. Đàn ca tài tử Nam Bộ

2.3.2. Dân ca của một số dân tộc thiểu số Nam Bộ và Tây Nguyên

Tài liệu

1. (2005), *Lịch sử một thế kỷ nghiên cứu Viện Viễn đông bác cổ Pháp tại Việt Nam*, Nxb Tri thức.

2. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Vũ Ngọc Khánh (2004), *Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số (tập 1) – Những chuyện địa danh con người, huyện thoại và giai thoại*.
4. Đinh Khắc Thuận (2006), *Tục lệ cổ truyền làng, xã Việt Nam*.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Vũ Ngọc Khánh (2004), *Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số (tập 1) – Những chuyện địa danh con người, huyện thoại và giai thoại*.
3. Đinh Khắc Thuận (2006), *Tục lệ cổ truyền làng, xã Việt Nam*.
4. (2005), *Lịch sử một thế kỷ nghiên cứu Viện Viễn đông bác cổ Pháp tại Việt Nam*, Nxb Tri thức.
5. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa Thông tin.
2. Trần Lâm Biền (2008), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng*, Nxb VHTT.
3. Trần Mạnh Thường (chủ biên) (1998), Bùi Xuân Mỹ, Phạm Thanh Huyền (1998), *Đình chùa, lăng tẩm nổi tiếng Việt Nam*, NXB Văn hoá thông tin

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	7	8	30
Chuyên đề 2	8	7	30
Tổng cộng	15	15	60

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

- + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
- + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%

- + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận) 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



PGS.TS Lê Văn Tạo

9.20 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Thục**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0969.44.33.88
- Email: bichthuc.dvtdt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Quản lý nguồn lực văn hóa;
 - + Di sản văn hóa;
 - + Chính sách văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Nguyễn Bá Linh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0984766852
- Email: nguyenbalinh@yahoo.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Quản lý nguồn lực văn hóa;
 - + Di sản văn hóa;
 - + Chính sách văn hóa;
 - + Lễ hội truyền thống

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa
(*Planning, cultural development strategy*)
- **Mã học phần:** QVGQ 520
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 3
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Tự chọn
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**
 - Giảng lý thuyết:* 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập:* 15 tiết
 - Thực hành, thực tập:* 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu:* 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về những nội dung cơ bản về kế hoạch và chiến lược nói chung; kế hoạch và chiến lược văn hóa. Giúp cho học viên có khả năng xây dựng tốt các bản kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa trong quá trình thực hiện công việc.

3.2. Kỹ năng: Thông qua học phần học viên được rèn luyện kỹ năng tổng hợp: Phân tích tư liệu, lên ý tưởng chiến lược, xây dựng được kế hoạch, đồng thời có phương án triển khai các bản kế hoạch, chiến lược trong thực tiễn hiệu quả.

3.3.Thái độ: Học viên có tinh thần trách nhiệm, chủ động và sáng tạo trong xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa. Họ tôn trọng sự đa dạng văn hóa, cam kết bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong quá trình phát triển bền vững.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC

1.1.Khái niệm kế hoạch, chiến lược

1.1.1.Khái niệm kế hoạch

1.1.2. Khái niệm chiến lược

1.1.3. Khái niệm kế hoạch, chiến lược văn hóa

1.2. Vài nét về quá trình hình thành và phương pháp xây dựng, quản lý kế hoạch, chiến lược.

1.2.Các bước xây dựng một bản kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa

1.2.1.Ý tưởng cho một kế hoạch, chiến lược

1.2.2.Ứng dụng phương pháp khung lô gic trong quản lý chiến lược, kế hoạch

1.2.3.Viết dự án, chiến lược

1.3.Quản lý kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa

1.3.1.Lên kế hoạch phân chia công việc, lịch trình thực hiện

1.3.2. Quản lý thực hiện kế hoạch, chiến lược

Tài liệu:

1. PGS.TS.Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), *Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy (2009), *Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính.

Chương 2: THỰC HÀNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

2.1.Tiếp cận, nghiên cứu một số lĩnh vực văn hóa cụ thể

2.1.1.Điện ảnh

2.1.2. Nghệ thuật biểu diễn truyền thống

2.1.3. Âm nhạc

2.1.4. Di sản văn hóa

2.2. Thực hành viết kế hoạch, chiến lược phát triển cho các lĩnh vực trên

2.3.Các kỹ thuật và công cụ cơ bản để lập kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa

2.3.1.Các kỹ thuật lập tiến độ dự án

2.3.1.Các công cụ cơ bản sử dụng trong lập kế hoạch và tiến độ dự án

2.3.2.Thực hành xây dựng sơ đồ thanh ngang, và sơ đồ mạng cho dự án.....

Tài liệu

1. PGS.TS.Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), *Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Học viện Chính trị Quốc gia (2016), *Quản lý kinh tế*, Nxb Lý luận Chính trị.
3. Học viện Chính trị Quốc gia (2016), *Khoa học Lãnh đạo*, Nxb Lý luận Chính trị.

Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (đồng chủ biên) (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc:

1. PGS.TS.Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), *Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy (2009), *Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính.
4. Học viện hành chính Quốc gia (2007), *Quản lý Nhà nước đối với ngành, lĩnh vực*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
5. Học viện Chính trị Quốc gia (2016), *Quản lý kinh tế*, Nxb Lý luận Chính trị.
6. Học viện Chính trị Quốc gia (2016), *Khoa học Lãnh đạo*, Nxb Lý luận Chính trị.

5.2.Tài liệu tham khảo

1. Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai. UNESCO. Website:<http://portal.unesco.org/culture/en/ev>.
2. Nguyễn Văn Lưu (2014), *Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam*, Nxb Thông tấn.
3. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (đồng chủ biên) (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	7	8	30
Chuyên đề 2	8	7	30
Tổng cộng	15	15	60

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

- | | |
|--|-----|
| + Điểm chuyên cần, thái độ : | 10% |
| + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: | 20% |
| + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận) | 70% |

- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN SOẠN





TS. Lê Thị Thảo

TS. Lê Thị Thảo

TS. Nguyễn Thị Thục

9.21 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GÂY QUỸ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Thục**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0969.44.33.88
- Email: bichthuc.dvtdt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Quản lý nguồn lực văn hóa;
 - + Di sản văn hóa
 - + Chính sách văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Phạm Bích Huyền**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0985 121 271
- Email: huyenpb@huc.edu.vn
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
 - + Phát triển công chung;
 - + Marketing văn hóa nghệ thuật;
 - + Thị trường văn hóa...

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Gây quỹ cho các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật
(Fundraising for the arts and Cultural Activities)
- **Mã học phần:** QVVH 521
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 3
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Tự chọn
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức:

- Giúp học viên nhận thức cơ bản về khái niệm, hình thức, kỹ năng gây quỹ và tìm tài trợ
- Đặc điểm của tổ chức văn hóa nghệ thuật và cách vận động thích hợp.
- Các bước triển khai một dự án gây quỹ, tìm tài trợ.
- Một số hình thức gây quỹ, tìm tài trợ điển hình

3.2. Kỹ năng:

- Giúp học viên lập các kế hoạch tổ chức gây quỹ và tìm tài trợ
- Kỹ năng thao tác trong gây quỹ và tìm tài trợ
- Gây quỹ và tìm tài trợ cho một số tổ chức văn hóa điển hình
- Giúp học viên lĩnh hội và tích hợp hệ thống kiến thức liên quan đến gây quỹ và tìm tài trợ nhằm vận động, kết nối, hợp tác và trao đổi lợi ích với các nhà tài trợ; duy trì mối quan hệ giữa tổ chức và nhà tài trợ. Có khả năng chuyên môn vững vàng trong tác nghiệp công tác quản lý nhà nước về văn hoá cũng như tham gia công tác gây quỹ, tìm tài trợ tại các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau.

3.3. Thái độ: Học viên có tinh thần trách nhiệm, minh bạch và sáng tạo trong gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật, tôn trọng giá trị văn hóa cộng đồng, đồng thời chủ động tìm kiếm và huy động nguồn lực để phát triển bền vững.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ GÂY QUỸ VÀ TÌM TÀI TRỢ TRONG CÁC TỔ CHỨC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

1.1. Lý thuyết về gây quỹ và tìm tài trợ

- 1.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của gây quỹ và tìm tài trợ
- 1.1.2. Vài nét lịch sử của gây quỹ và tìm tài trợ ở một số nước trên thế giới và Việt Nam
- 1.1.3. Lý luận về vai trò của văn hóa nghệ thuật trong gây quỹ và tìm tài trợ

1.2. Các loại hình gây quỹ và tìm tài trợ

- 1.2.1. Thu thập của tổ chức
- 1.2.2. Ngân sách nhà nước
- 1.2.3. Trợ cấp không hoàn lại
- 1.2.4. Góp tặng và các đợt kêu gọi
- 1.2.5. Tài trợ từ các tổ chức từ thiện và các quỹ
- 1.2.6. Bảo trợ
- 1.2.7. Tài trợ của doanh nghiệp

1.3. Một số kỹ năng, nguyên tắc gây quỹ và tìm tài trợ

- 1.3.1. Những kỹ năng người gây quỹ cần có
- 1.3.2. Một số nguyên tắc then chốt trong gây quỹ

Tài liệu

1. Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), *Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính.

Chương 2: QUY TRÌNH GÂY QUỸ VÀ TÌM TÀI TRỢ

2.1. Các bước gây quỹ và tìm tài trợ

2.1.1. Đánh giá đặc điểm của tổ chức văn hóa nghệ thuật

2.1.2. Lập hồ sơ mời tài trợ

2.1.3. Nghiên cứu nhà tài trợ mục tiêu

2.1.4. Quy trình tiếp cận nhà tài trợ

2.1.5. Phát triển mối quan hệ hợp tác với nhà tài trợ

2.2. Một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ

2.2.1. Tổ chức chiến dịch vận động gây quỹ

2.2.2. Tổ chức sự kiện gây quỹ

2.2.3. Marketing trực tiếp

Tài liệu

1. Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), *Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), *Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 3: MỘT SỐ MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP GÂY QUỸ, TÀI TRỢ ĐIỂN HÌNH

3.1. Mô hình gây quỹ, tìm tài trợ trong xuất bản phẩm

3.1.1. Xuất bản sách, báo, tạp chí

3.1.2. Tác phẩm nghe, nhìn

3.2. Mô hình gây quỹ, tìm tài trợ trong biểu diễn nghệ thuật, triển lãm nghệ thuật

3.2.1. Gây quỹ và tìm tài trợ trong biểu diễn âm nhạc

3.2.2. Gây quỹ và tìm tài trợ trong triển lãm mỹ thuật

3.3. Mô hình gây quỹ, tìm tài trợ trong bảo tồn văn hóa, truyền nghề

3.3.1. Gây quỹ và tìm tài trợ trong bảo tồn âm nhạc, sân khấu truyền thống

3.3.2. Gây quỹ và tìm tài trợ bảo tồn làng nghề thủ công truyền thống

Tài liệu

1. Cục Di sản văn hóa (2006), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Đặng Mỹ Hạnh (2015), *Giáo dục nghệ thuật cho bồi đội hiện nay qua ca khúc về bộ đội cụ Hồ*, Nxb Quân đội Nhân dân.
3. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), *Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính.
3. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Cục Di sản văn hóa (2006), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Đặng Mỹ Hạnh (2015), *Giáo dục nghệ thuật cho bồi đội hiện nay qua ca khúc về bộ đội cụ Hồ*, Nxb Quân đội Nhân dân.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	07	03	10
Chuyên đề 2	04	06	20
Chuyên đề 3	04	06	30
Tổng cộng	15	15	60

6.2. Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận) 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA

TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN

TS Nguyễn Thị Thục

9.22 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM_2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: **Vi Minh Huy**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa âm nhạc, trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Địa chỉ liên hệ: 223, đường Lý Thái Tông, phố Đông Bắc Ga 1, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa

Điện thoại, email: 0919.755.244; 0898.612.236; viminhhuy@dvtdt.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa dân gian; Nghệ thuật âm nhạc học...

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

+ Họ và tên: **Lê Thị Lệ**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH

-Địa chỉ liên hệ: P. Đông Sơn, Thành phố Thanh Hóa

- Điện thoại: 0985 121271

- Email: lethile80@yahoo.com

- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):

+ Địa lý kinh tế;

+ Đặc trưng các vùng văn hóa...

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Văn hóa ẩm thực Việt Nam

(Culture of Vietnamese Food)

- **Mã học phần:** QVQL 522

- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 3

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Tự chọn

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Chuyên đề cung cấp cho học viên các khái niệm, các sắc thái văn hoá ẩm thực chủ yếu của Việt Nam, văn hoá ẩm thực truyền thống và các món ăn đặc sản của

người Việt. Từ đó đi sâu tìm hiểu ẩm thực của một số vùng, miền tiêu biểu ở Việt Nam để người học vận dụng vào tìm hiểu đặc trưng văn hoá ẩm thực của địa phương mình.

3.2. Kỹ năng:

- Hình thành những kỹ năng quản lý nhà nước và các nghiệp vụ khảo sát, kiểm kê, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản Văn hóa.
- Nhân lên niềm tự hào, trách nhiệm với hệ thống Di sản Văn hóa của vùng.

3.3.Thái độ: Giúp học viên thấy được đặc trưng văn hoá ẩm thực của vùng, miền, địa phương và sự phong phú, đa sắc của văn hoá ẩm thực Việt Nam.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VĂN HOÁ ẨM THỰC VIỆT NAM

1.1. Một số khái niệm

- 1.1.1. Ẩm thực
- 1.1.2. Ẩm thực học
- 1.1.3. Nghệ thuật ẩm thực
- 1.1.4. Văn hóa ẩm thực

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực Việt Nam

- 1.2.1. Điều kiện tự nhiên:
 - 1.2.1.1.Vị trí địa lý
 - 1.2.1.2. Đất đai, khí hậu, sông ngòi
 - 1.2.1.3. Động thực vật tự nhiên
- 1.2.2. Điều kiện lịch sử - xã hội
 - 1.2.2.1. Chiến tranh
 - 1.2.2.2. Sự phân chia giai cấp
 - 1.2.2.3. Phong tục tập quán (ngày thường, ngày lễ)
- 1.2.3. Đặc trưng văn hóa cộng đồng:
 - 1.2.3.1.Truyền thống văn hóa: nặng về tính cá nhân hay tính cộng đồng, nặng về tính nam hay tính nữ, quan hệ trên dưới gần hay xa nhau...
 - 1.2.3.2.Mức độ đa dạng của các tiểu vùng văn hóa
 - 1.2.3.3. Sự giao lưu văn hóa

1.3. Mối quan hệ của ẩm thực với sức khỏe, văn hóa và du lịch

- 1.3.1. Ẩm thực và sức khỏe
 - 1.3.1.1. Vai trò của ẩm thực đối với sức khỏe
 - 1.3.1.2. Phương pháp ăn uống để có sức khỏe tốt:
- 1.3.2. Ẩm thực và văn hóa
 - 1.3.2.1. Tính lý tưởng của hoạt động ẩm thực
 - 1.3.2.2.Tính triết lý, tâm linh trong ẩm thực
 - 1.3.2.3. Giao lưu văn hóa trong ăn uống
- 1.3.3. Ẩm thực và du lịch

Tài liệu:

1. Hoàng Minh Khang (2011), *Giáo trình văn hóa ẩm thực*, Nxb Lao động, Hà Nội.

2. G.Cazes-R.Lanquar Y.Raynouard, Đào Đình Bắc (dịch) (2005), *Quy hoạch du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia.
3. Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2004), *Ứng xử văn hóa trong du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 2: ĐẶC ĐIỂM ẨM THỰC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

2.1. Quan niệm của người Việt Nam về ăn uống

- 2.1.1. Quan niệm về tầm quan trọng của ăn uống
- 2.1.2. Quan niệm về tính văn hóa của việc ăn uống

2.2. Đặc trưng văn hóa ẩm thực Việt Nam

- 2.2.1. Tính hoà đồng, đa dạng
- 2.2.2. Tính ít mỡ
- 2.2.3. Tính đậm đà hương vị
- 2.2.4. Tính tổng hoà nhiều chất, nhiều vị
- 2.2.5. Tính ngon và lành
- 2.2.6. Tính dùng đũa
- 2.2.7. Tính cộng đồng hay tính tập thể
- 2.2.8. Tính hiếu khách
- 2.2.9. Tính dọn thành mâm.

2.3. Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam

- 2.3.1. Nguồn nguyên liệu và kỹ thuật sử dụng nguyên liệu
- 2.3.2. Dụng cụ chế biến món ăn
- 2.3.3. Cách thức chế biến
- 2.3.4. Cách thức ăn uống
- 2.3.5. Bữa ăn truyền thống
- 2.3.6. Vấn đề ứng xử trong ăn uống
- 2.3.7. Yếu tố tài hoa của con người trong nghệ thuật ẩm thực

2.4. Đặc trưng văn hóa ẩm thực các vùng miền Việt Nam

- 2.4.1. Văn hóa ẩm thực miền Bắc
- 2.4.2. Văn hóa ẩm thực miền Trung
- 2.4.3. Văn hóa ẩm thực miền Nam
- 2.4.4. Văn hóa ẩm thực các dân tộc thiểu số
- 2.4.5. Văn hóa ẩm thực Việt Nam trên thế giới

Tài liệu

1. Xuân Huy (2001), *Văn hoá ẩm thực và món ăn Việt Nam*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Mai Khôi (biên khảo và sáng tác) (2006), *Văn hoá ẩm thực Việt Nam - Các món ăn miền Trung*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
3. Mai Khôi, Vũ Bằng, Thượng Hồng (biên khảo và sáng tác) (2006), *Văn hoá ẩm thực Việt Nam - Các món ăn miền Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
4. Vương Xuân Tình (2004), *Tập quán ăn uống của người Việt vùng Kinh Bắc*, Nxb. KHXH, Hà Nội.

Chương 3: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĂN UỐNG VÀ QUẢNG BÁ VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM

3.1. Quản lý hoạt động kinh doanh ăn uống

3.1.1. Vai trò của văn hóa ẩm thực trong tổ chức hoạt động kinh doanh ăn uống

3.1.2. Các hình thức tổ chức hoạt động kinh doanh ăn uống gắn với văn hóa ẩm thực Việt Nam

3.2. Một số hình thức quảng bá văn hóa ẩm thực Việt Nam

3.2.1. Xây dựng mô hình tuyến phố ẩm thực

3.2.2. Tổ chức hội chợ ẩm thực

3.2.3. Phát triển nguồn nhân lực tại các cơ sở kinh doanh ẩm thực

3.2.4. Xúc tiến quảng bá ẩm thực Việt Nam

3.2.5. Xây dựng thương hiệu các món ăn đặc sản Việt Nam

Tài liệu

1. Mai Khôi (2001), *Văn hóa Ẩm thực Việt Nam: Các món ăn Miền Nam*, Nxb Thanh niên.
2. Nguyên Ngọc (2004), *Món ăn, đồ uống ngày lễ, tết*, Nxb Văn hóa-Thông tin.
3. Nguyễn Quang lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam: khảo cứu phong tục, và tri thức dân gian về cỗ, lễ vật trong tế lễ, lễ hội Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc:

1. Hoàng Minh Khang (2011), *Giáo trình văn hóa ẩm thực*, Nxb Lao động, Hà Nội.
2. Phạm Lan Oanh – Nguyễn Thành Tuấn (2014), *Phát huy vốn văn hóa dân gian trong phát triển du lịch Cao Bằng*, Nxb Chính trị Quốc gia.
3. Thu Huyền, Ái Phương (siêu tầm, tuyển chọn) (2011), *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb Lao động.

5.2.Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Hương (2002), *Những món ngon Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng.
2. Huỳnh Văn Nguyệt (2016), *Văn hóa ẩm thực đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Mỹ thuật.
3. Lý khắc Cung (2004), *Văn vật- Ẩm thực đất Thăng Long*, Nxb Văn hóa Dân tộc.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	5	5	20
Chuyên đề 2	5	5	20
Chuyên đề 3	5	5	20
Tổng cộng	15	15	60

6.2.Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận) 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Vi Minh Huy

9.23 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DI SẢN VĂN HÓA DU LỊCH_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Võ Hồng Hải**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
 - Địa chỉ liên hệ: P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0913 294 039
- Email: nguyenhonghai@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Lễ hội truyền thống;
- + Quản lý Du lịch;
- + Di sản văn hóa với phát triển du lịch....

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Vũ Văn Tuyền**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P.Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0916 103 262
- Email: tuyenvh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Nhân học văn hóa;
- + Di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch..

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Di sản văn hóa và du lịch
(Tourism and Culture Heritages)
- **Mã học phần:** QVDS 523
- **Số tín chỉ:** 02 (1,1)
- **Học kỳ thực hiện:** 3
- **Học phần kế tiếp:** Không
- **Loại học phần:** Tự chọn
- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Phân bố thời gian:**
 - Giảng lý thuyết:* 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập:* 15 tiết
 - Thực hành, thực tập:* 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu:* 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức:

- Học phần cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về giá trị, vai trò và mối quan hệ đặc biệt của hệ thống di sản văn hóa với hoạt động du lịch.
- Học viên nắm vững những nguyên tắc cơ bản, trong thực hiện quy trình khai thác di sản văn hóa thành sản phẩm du lịch.

3.2. Kỹ năng:

- Tạo cho học viên những khả năng tư duy của nhà quản lý, trong nghiên cứu và hoạch định chính sách khai thác di sản văn hóa để phát triển du lịch.
- Khả năng nghiên cứu phân tích, đánh giá, xác định giá trị hệ thống di sản văn hóa để xây dựng thành sản phẩm du lịch độc đáo hấp dẫn.

3.3.Thái độ: Học viên có ý thức trân trọng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững. Đồng thời, họ có thái độ trách nhiệm, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và sáng tạo trong khai thác di sản phục vụ du lịch.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: MỐI QUAN HỆ ĐẶC BIỆT GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ DU LỊCH

1.1. Một số khái niệm và các cơ sở khoa học trong xác định giá trị độc đáo của hệ thống di sản văn hóa

- 1.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến di sản văn hóa và du lịch
- 1.1.2. Cơ sở khoa học trong xác định giá trị độc đáo của hệ thống di sản văn hóa
- 1.1.3. Vị trí và vai trò của di sản văn hóa trong hoạt động du lịch

1.2. Đặc điểm và những giá trị độc đáo của hệ thống di sản văn hóa

- 1.2.1. Đặc điểm và những giá trị độc đáo của di sản văn hóa thế giới
- 1.2.2. Đặc điểm và những giá trị độc đáo của hệ thống di sản văn hóa ở Việt Nam
- 1.2.3. Mối quan hệ tương hỗ giữa di sản văn hóa và hoạt động du lịch

1.3. Thực trạng khai thác giá trị di sản văn hóa trong hoạt động du lịch

- 1.3.1. Di sản văn hóa nguồn lực đặc biệt để phát triển du lịch
- 1.3.2. Thực trạng khai thác giá trị di sản văn hóa để phát triển du lịch của các quốc gia khu vực Đông Nam Á và thế giới
- 1.3.3. Thực trạng khai thác giá trị di sản văn hóa để phát triển du lịch ở Việt nam
- 1.3.4. Những bài học kinh nghiệm và nguyên tắc cơ bản trong khai thác di sản văn hóa để phát triển du lịch

Tài liệu

1. Lê Thị Tuyết Mai (2013), *Du lịch di tích lịch sử văn hóa*, Nxb Lao động,
2. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2014), *Địa lý du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
3. Trần Thúy Anh (2014), *Giáo trình du lịch văn hóa*, Nxb Giáo dục.
4. Trịnh Xuân Dũng (2004), *Giáo trình tâm lý du lịch*, Nxb Văn hóa-Thông tin.
5. Dương Văn Sáu (2004), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Chương 2: QUY TRÌNH KHAI THÁC DI SẢN VĂN HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

2.1. Phân loại, xác định những di sản văn hóa có khả năng khai thác trong hoạt động du lịch

2.1.1. Phân loại, xác định những di sản văn hóa khả năng khai thác thành sản phẩm du lịch trong các tuyến, điểm và khu du lịch ở Việt Nam.

2.1.2. Phân loại, xác định những di sản văn hóa có khả năng khai thác hợp tác quốc tế trong hoạt động du lịch.

2.2. Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch của di sản văn hóa

2.2.1. Đánh giá tiềm năng phát triển tại khu vực di sản văn hóa

2.2.2. Đánh giá đường lối chính sách và khả năng đầu tư hợp tác phát triển du lịch tại khu vực di sản văn hóa

2.2.3. Đánh giá công tác quảng bá xúc tiến du lịch tại khu vực di sản văn hóa

2.3. Xây dựng chính sách khai thác di sản văn hóa trong hoạt động du lịch

2.3.1. Xây dựng chính sách khai thác và bảo vệ tại khu vực di sản văn hóa

2.3.2. Xây dựng chính sách qui hoạch và đầu tư trong bảo tồn, tôn tạo với phát triển du lịch, tại khu vực di sản văn hóa

2.3.3. Xây dựng chính sách nghiên cứu khoa học, quảng bá và hợp tác quốc tế trong khai thác di sản văn hóa để phát triển du lịch.

Tài liệu

1. *Luật di sản văn hoá và Nghị định hướng dẫn thi hành*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, Luật Di sản Văn hóa sửa đổi năm 2010 (tr.5-19).
2. Thông tư 18/2012/BVHTTDL Quy định chi tiết một số qui định về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa (2012) bộ văn hóa thể thao & du lịch (toàn văn thông tư 18/2012/BVHTTDL)

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc:

- Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb.VHTT, Hà Nội.
- Bùi Thị Hải Yến (chủ biên) (2013) , *Quy hoạch du lịch*, Nxb Giáo dục.
- Bùi Thị Hải Yến (chủ biên), (2011), *Tài nguyên du lịch*, Nxb Giáo dục.
- Bùi Thị Hải Yến (2014), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- Dương Văn Sáu (2008) *Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam*, Nxb ĐHQG, Hà Nội (tr.1-59, tr.67-89).

5.2. Tài liệu tham khảo

- Lê Thị Tuyết Mai (2013), *Du lịch di tích lịch sử văn hóa*, Nxb Lao động,
- Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2014), *Địa lý du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- Trần Thúy Anh (2014), *Giáo trình du lịch văn hóa*, Nxb Giáo dục.
- Trịnh Xuân Dũng (2004), *Giáo trình tâm lý du lịch*, Nxb Văn hóa-Thông tin.
- Dương Văn Sáu (2004), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần
-------------------	------------------------------

	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	7	8	30
Chuyên đề 2	8	7	30
Tổng cộng	15	15	60

6.2.Lịch trình cụ thể

(giữ theo khung các GV đã biên soạn)

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
 - + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%
 - + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận) 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Vũ Văn Tuyền

9.24 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA NÔNG THÔN VIỆT NAM_2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

- + Họ và tên: **Trần Văn Thúc**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Quảng Thắng, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912 054 501
- Email: thuctrandhv@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Lịch sử;
- + Lịch sử văn hóa;
- + Di sản văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Thúy**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ: P.Đông Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912 275 978
- Email: thuynguyenxhhd@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành):
- + Lịch sử văn hóa;
- + Di sản văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- **Tên học phần:** Văn hóa nông thôn Việt Nam
(Vietnamese Rural Culture)

- **Mã học phần:** QVVH 524

- **Số tín chỉ:** 2 (1,1)

- **Học kỳ thực hiện:** 3

- **Học phần kế tiếp:** Không

- **Loại học phần:** Tự chọn

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Phân bố thời gian:**

Giảng lý thuyết: 15 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- **2.2.Bộ môn phụ trách học phần:** Bộ môn Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức: Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về những nội dung cơ bản của văn hóa nông thôn Việt Nam truyền thống, xu hướng biến đổi, những quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển văn hóa nông thôn và bài học kinh nghiệm phát triển nông thôn trong thực tế.

3.2. Kỹ năng: Thông qua học phần học viên được rèn luyện kỹ năng tổng hợp, phân tích tư liệu; luận giải được hệ giá trị của văn hóa nông thôn Việt Nam và những biến đổi trong giai đoạn hiện nay, đồng thời đề xuất được những giải pháp khoa học để phát triển văn hóa nông thôn trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và toàn cầu hóa.

3.3.Thái độ: Học viên trân trọng và tự hào về văn hóa nông thôn Việt Nam, có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời thích ứng linh hoạt với sự phát triển của xã hội hiện đại.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁT QUÁT VỀ NÔNG THÔN VIỆT NAM

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Nông nghiệp

1.1.2. Nông thôn

1.1.3. Làng, xã, thôn

1.2. Đặc điểm của nông thôn

1.2.1. Về nghề nghiệp

1.2.2. Về môi trường

1.2.3. Về mật độ dân số

1.2.4. Về tính hỗn tạp và tính thuần nhất của dân cư

1.2.5. Về tính chất hoạt động kinh tế

1.2.6. Về hợp tác lao động

1.2.7. Về mức chi tiêu

1.2.8. Về sự khác biệt xã hội và phân tầng xã hội

1.3. Vai trò nông thôn

1.3.1. Vai trò của nông thôn đối với phát triển kinh tế

1.3.2. Vai trò của nông thôn đối với ổn định và phát triển xã hội

1.3.3. Vai trò của nông thôn đối với xây dựng và phát triển văn hóa

1.4. Nông thôn Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử

1.5. Đặc điểm kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam

1.5.1. Đặc điểm kinh tế

1.5.1.1. Kết cấu kinh tế

1.5.1.2. Tính chất nền sản xuất

1.5.1.3. Các tư tưởng kinh tế truyền thống

1.5.2. Đặc điểm xã hội

1.5.2.1. Các loại hình tổ chức xã hội

1.5.2.2. Bộ máy quản lý nông thôn

1.5.2.3. Công cụ quản lý nông thôn

1.5.2.4. Phân tầng xã hội ở nông thôn

1.5.2.5. Ý thức xã hội nông thôn truyền thống

Tài liệu

1. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Bách khoa Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb.KHXXH, Hà Nội.
2. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý.
3. Hồ Đức Thọ (1999), *Lệ làng Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
4. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), *Làng Việt đối diện tương lai hội sinh quá khứ*, Nxb Đà Nẵng.

Chương 2: VĂN HÓA NÔNG THÔN VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG VĂN HÓA NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.Khái niệm văn hóa nông thôn

2.1.1. Văn hóa

2.1.2. Văn hóa nông thôn

2.1.3. Nông thôn mới

2.2.Những thành tố, thiết chế của văn hóa nông thôn

2.2.1. Di sản văn hóa phi vật thể

2.2.2.Gia đình, dòng họ

2.2.3.Xóm, ngõ

2.2.4.Tổ chức giáp, phường hội

2.2.5.Hương ước

2.2.6.Truyền thống giáo dục trong làng, xã

2.2.7.Tín ngưỡng, tôn giáo

2.1. Những đặc trưng của văn hóa nông thôn Việt Nam truyền thống

2.1.1. Tính cộng đồng và tính tự trị của làng, xã

2.1.2. Tính chất lưỡng phân (đóng và mở của văn hóa làng)

2.1.3. Tính cá nhân trong vỏ bọc cộng đồng

2.2. Di sản văn hóa nông thôn Việt Nam

2.2.1. Di sản văn hóa vật thể

2.2.2. Di sản văn hóa phi vật thể

2.2.3. Vị trí, vai trò của văn hóa nông thôn trong nền văn hóa Việt Nam

2.2.3.1. Văn hóa nông thôn với văn hóa dân gian

2.2.3.2. Văn hóa nông thôn với văn hóa đô thị

2.2.3.3. Văn hóa nông thôn trong sự hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam

2.3. Những mặt tích cực và hạn chế của văn hóa nông thôn Việt Nam đối với sự phát triển đất nước

2.3.1. Những mặt tích cực

2.3.2. Những mặt hạn chế

2.4. Thực trạng văn hóa nông thôn Việt Nam hiện nay

2.4.1. Những biến đổi của văn hóa nông thôn Việt Nam từ sau năm 1945

2.4.2. Những mặt tích cực và tiêu cực của sự biến đổi văn hóa nông thôn hiện nay

2.5. Bài học kinh nghiệm phát triển văn hóa nông thôn và quan điểm, đường lối phát triển văn hóa nông thôn Việt Nam hiện nay

- 2.5.1. Bài học kinh nghiệm phát triển văn hóa nông thôn của một số quốc gia trên thế giới
- 2.5.2. Một số điển hình xây dựng văn hóa nông thôn ở Việt Nam
- 2.5.3. Quan điểm, đường lối phát triển văn hóa nông thôn Việt Nam hiện nay

Tài liệu

1. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Bách khoa
- Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), *Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ*, Nxb Đà Nẵng.

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc:

1. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Bách khoa
- Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb.KHXH, Hà Nội.
2. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý.
3. Hồ Đức Thọ (1999), *Lệ làng Việt Nam*, Nxb Hà Nội.

5.2.Tài liệu tham khảo

Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), *Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ*, Nxb Đà Nẵng.

6.Hình thức tổ chức dạy học

6.1.Lịch trình chung

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Xemina, bài tập	Tự học
Chuyên đề 1	10	5	30
Chuyên đề 2	10	5	30
Chuyên đề 3	10	5	30
Tổng cộng	30	15	90

6.2.Lịch trình cụ thể

Theo TKB

7.Yêu cầu đối với sinh viên:

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8.Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

- + Điểm chuyên cần, thái độ : 10%
- + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%

- + Điểm thi cuối kỳ (thi viết hoặc tiểu luận) 70%
- Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ)

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



PGS.TS Trần Văn Thức

10.HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý Văn hóa quy định nội dung tổng thể các hoạt động giáo dục của một khóa học thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bổ thời

gian theo quy định, căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐVTDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2015, Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

Giờ quy đổi tính theo quy định trong Quyết định số: 800/QĐ-ĐVTDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2015 Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

- 1TC = 15 tiết giảng hay thảo luận trên lớp;
- = 30 giờ thí nghiệm, thực hành;
- = 60 giờ thực tập tại cơ sở;
- = 45 giờ làm đề án, khóa luận.
- 1 giờ lý thuyết = 50 phút.

10.2. Chương trình được thiết kế theo ngành học quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 4/4/2017: Quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

10.3. Thời gian và kế hoạch đào tạo

- Chương trình học được thực hiện trong vòng 2 năm, chia thành 4 kì học.
- Học viên phải hoàn thành số tín chỉ theo quy định, bao gồm các học phần lý thuyết, nghiên cứu thực tế và luận văn thạc sĩ.
- Các học phần, các nội dung hoạt động trong toàn khóa học phải được bố trí sắp xếp, lên kế hoạch hợp lý theo trình tự thời gian thành quy trình đào tạo một cách khoa học do hiệu trưởng quyết định
- Các học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương là kiến thức bắt buộc. Thời lượng và nội dung của các học phần này theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo.

10.4. Điều kiện thực hiện

- Về giảng viên:

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình phải có trình độ tiến sĩ trở lên, có kinh nghiệm dạy ngành Quản lý văn hóa, đã qua nghiệp vụ sư phạm, có lòng yêu nghề và nhiệt huyết với sự nghiệp giáo dục. Ngoài giảng viên cơ hữu, định kỳ nhà trường mời giảng viên thỉnh giảng của các trường đại học chuyên ngành có kinh nghiệm tham gia giảng dạy

- Về phương pháp giảng dạy:

Chủ yếu áp dụng các phương pháp giảng dạy đàm thoại, nêu vấn đề, phát huy tích cực của học viên, với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Phát huy tính chủ động, sáng tạo đối với người học trong việc tiếp cận, chiếm lĩnh tri thức bài giảng, đặc biệt đối với các học phần chuyên ngành.

- Về phương tiện giảng dạy và học tập:

Đảm bảo về tiêu chuẩn phòng học lý thuyết, phòng học thực hành đối với các trang thiết bị đa phương tiện (máy tính, máy chiếu...) nhằm hỗ trợ người dạy và người học khai thác tối đa các ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ người dạy và người học trong quá trình giảng dạy và học tập.

10.5. Quy trình tổ chức đào tạo thực hiện theo quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ

10.6. Việc tổ chức kiểm tra và thi học phần theo quy chế ban hành kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐVTDT ngày 01 tháng 11 năm 2015 Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

10.7. Việc tổ chức thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy chế ban hành kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐVTDT ngày 01 tháng 11 năm 2015 Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

10.8. Phòng Sau đại học theo dõi các khoa chuyên môn liên quan thực hiện các hoạt động dạy và học điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo theo yêu cầu thực tế đáp ứng nhu cầu xã hội.

10.9. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo để triển khai thực hiện trong phạm vi nhà trường.